

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên: Phạm Thị Minh Châu

Giảng viên hướng dẫn: Ths Hòa Thị Thanh Hương

HẢI PHÒNG – 2020

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN
VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH
NGUYỄN ĐỨC PHÁT**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên: Phạm Thị Minh Châu
Giảng viên hướng dẫn: Ths Hòa Thị Thanh Hương**

HẢI PHÒNG – 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thị Minh Châu Mã SV: 1612401017

Lớp : QT2001K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- ✓ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán thanh toán với người mua người bán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC.
- ✓ Tìm hiểu thực tế công tác kế toán thanh toán với người mua người bán tại đơn vị thực tập.
- ✓ Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán thanh toán với người mua người bán nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

- ✓ Sưu tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác kế toán thanh toán với người mua người bán năm 2019 tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát.

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên: *Hòa Thị Thanh Hương*

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: *Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng*

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua người bán tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 30 tháng 03 năm 2020

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: **Th.S Hòa Thị Thanh Hương**
Đơn vị công tác: Khoa Quản trị kinh doanh
Họ và tên sinh viên: **Phạm Thị Minh Châu - QT2001K; Chuyên ngành: KT - KT**
Đề tài tốt nghiệp: *Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua người bán tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát*

Nội dung hướng dẫn:

Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán thanh toán với người mua và người bán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC; Tìm hiểu thực tế công tác kế toán thanh toán với người mua và người bán tại đơn vị thực tập; Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán thanh toán với người mua và người bán, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- ✓ Hoàn thành đúng tiến độ các chương theo qui định của GV hướng dẫn;
- ✓ Có trách nhiệm với công việc được giao;

2. Đánh giá chất lượng của đề án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

- ✓ Khóa luận tốt nghiệp có bố cục hợp lý;
- ✓ Đã khái quát hóa được lý luận về công tác kế toán thanh toán với người mua người bán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC;
- ✓ Phản ánh được thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua người bán tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát với số liệu logic;
- ✓ Đã đánh giá được ưu nhược điểm cơ bản trong công tác kế toán tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát trên cơ sở đó tác giả đã đề xuất được một số biện pháp phù hợp giúp đơn vị hoàn thiện công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán thanh toán với người mua người bán nói riêng.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 28 tháng 06 năm 2020.

Giảng viên hướng dẫn

Th.S Hòa Thị Thanh Hương

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP.....	2
1.1. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán	2
1.1.1 Phương thức thanh toán	2
1.1.2 Hình thức thanh toán.....	2
1.1.2.1 Thanh toán bằng tiền mặt.....	2
1.1.2.2 Thanh toán không bằng tiền mặt.....	3
1.2. Nội dung công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán	4
1.2.1. Nội dung công tác kế toán thanh toán với người mua	4
1.2.1.1 Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua	4
1.2.1.2 Chứng từ kế toán sử dụng	5
1.2.1.3 Tài khoản kế toán sử dụng	5
1.2.1.4 Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua.....	6
1.2.2. Nội dung công tác kế toán thanh toán với người bán	8
1.2.2.1 Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán	8
1.2.2.2 Chứng từ kế toán sử dụng	9
1.2.2.3 Tài khoản kế toán sử dụng	10
1.2.2.4 Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán.....	12
1.2.3.1 Tỷ giá và quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán	13
1.2.3.2 Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ	14
1.3. Dự phòng nợ phải thu khó đòi	16
1.3.1 Điều kiện, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	16
1.3.2. Nguyên tắc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.....	16
1.3.3. Phương pháp kế toán dự phòng phải thu khó đòi	18
1.4. Các hình thức ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo TT200/2014/TT-BTC.....	20
1.4.1. Hình thức ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký chung	21

1.4.2. Hình thức ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái.....	22
Sơ đồ 1.4: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái.....	22
1.4.3. Hình thức ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.....	23
1.4.4. Hình thức ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký - Chứng từ	24
1.4.5. Hình thức ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán Trên máy vi tính	25
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH NGUYỄN ĐỨC PHÁT	27
2.1. Khái quát về công ty TNHH Nguyễn Đức Phát.....	27
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát.....	27
2.1.2. Mặt hàng kinh doanh tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát.....	28
2.1.3 Những thuận lợi, khó khăn của công ty	29
2.1.4 Những thành tích của công ty	30
2.1.5 Mô hình tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát... ..	30
2.1.6.1 Đặc điểm mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty.....	32
2.1.6.2 Hình thức kế toán, chế độ kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại công ty	33
2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Nguyễn Đức Phát.....	35
2.2.1. Đặc điểm về phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Nguyễn Đức Phát.....	35
2.2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua tại công ty TNHH Nguyễn Đức Phát	36
2.2.2.1 Chứng từ sử dụng tại công ty.....	36
2.2.2.2 Tài khoản sử dụng tại công ty	36
2.2.2.3 Sổ sách sử dụng tại công ty.....	36
2.2.2.4 Quy trình kế toán thanh toán với người mua tại công ty	36
2.2.3. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người bán tại công ty TNHH Nguyễn Đức Phát	45

2.2.3.1 Chứng từ sử dụng tại công ty	45
2.2.3.2 Tài khoản sử dụng tại công ty	45
2.2.3.3 Sổ sách sử dụng tại công ty.....	45
2.2.3.4 Quy trình kế toán thanh toán với người bán tại công ty	45
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH NGUYỄN ĐỨC PHÁT.....	55
3.1. Đánh giá về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Nguyễn Đức Phát.	55
3.1.1. Ưu điểm.....	55
3.1.2. Hạn chế.....	56
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát	58
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát.....	58
3.2.2. Nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát	58
3.2.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát.....	59
3.2.3.1 Công ty nên đẩy mạnh các giải pháp thu hồi công nợ	59
3.2.3.2 Công ty nên trích lập dự phòng phải thu khó đòi	60
3.2.3.3 Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán.....	66
KẾT LUẬN	71
DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	72

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Kế toán thanh toán với người mua theo TT 200/ 2014/TT-BTC	7
Sơ đồ 1.2: Kế toán thanh toán với người bán theo TT 200/ 2014/TT-BTC	12
Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung	21
Sơ đồ 1.4: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái.....	22
Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.....	23
Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký- Chứng từ.....	24
Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán máy.	25
Sơ đồ 2.1: Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Nguyễn Đức Phát.....	31
Sơ đồ 2.2: Mô hình Bộ máy kế toán của công ty TNHH Nguyễn Đức Phát.....	32
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ kế toán theo hình thức nhật ký chung tại công ty TNHH Nguyễn Đức Phát	33
Sơ đồ 2.4: Quy trình kế toán thanh toán với người mua tại công ty TNHH Nguyễn Đức Phát	37
Sơ đồ 2.5 : Quy trình kế toán thanh toán với người bán tại công ty TNHH Nguyễn Đức Phát	46

DANH MỤC BẢNG BIỂU

<u>Biểu số 2.1: HÓA ĐƠN GTGT 0000561</u>	39
<u>Biểu số 2.2: Phiếu thu số 284</u>	40
<u>Biểu số 2.3: Trích sổ nhật ký chung</u>	41
<u>Biểu số 2.4: Trích sổ cái TK 131</u>	42
<u>Biểu số 2.5: Trích sổ chi tiết thanh toán với người mua</u>	43
<u>Biểu số 2.6 Trích bảng tổng hợp thanh toán với người mua</u>	44
<u>Biểu số 2.7: HÓA ĐƠN GTGT 0005305</u>	48
<u>Biểu số 2.8: Ủy nhiệm chi</u>	49
<u>Biểu số 2.9: Giấy báo nợ số 2056</u>	50
<u>Biểu số 2.10: Trích sổ nhật ký chung</u>	51
<u>Biểu số 2.11: Trích sổ cái TK 331</u>	52
<u>Biểu số 2.12 Trích sổ chi tiết thanh toán với người bán</u>	53
<u>Biểu số 2.13: Trích bảng tổng hợp thanh toán với người bán</u>	54

LỜI MỞ ĐẦU

Để có thể theo dõi một cách chi tiết, kịp thời, đầy đủ từng khách nợ nhằm giúp cho các nhà quản lý của công ty có những đánh giá khách quan, kịp thời về công nợ phải thu cần phải làm thế nào? Để giải quyết được vấn đề này Công ty cần xây dựng cho mình quy trình hạch toán hiệu quả, phù hợp với thực tế của công ty nhưng vẫn đảm bảo phù hợp với chế độ chuẩn mực kế toán của Nhà nước

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu về công tác kế toán tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát em nhận thấy tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát chỉ dừng ở việc theo dõi đầy đủ nhưng chưa kịp thời về tình hình công nợ. Nhận thức được tầm quan trọng của tổ chức kế toán thanh toán cùng với kiến thức đã được học ở trường, em chọn đề tài “ **Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Nguyễn Đức Phát**” cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

Ngoài lời mở đầu và kết luận đề tài nghiên cứu khoa học gồm 3 chương. Cụ thể như sau:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Nguyễn Đức Phát.

Chương 3: Một số kiến nghị hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Nguyễn Đức Phát.

Trong quá trình tìm hiểu và viết bài còn nhiều thiếu sót em mong được sự góp ý của các thầy cô giáo để em có thể hoàn thiện bài viết của mình hơn. Em xin chân thành cảm ơn ThS. Hòa Thị Thanh Hương đã hướng dẫn, cảm ơn ban lãnh đạo cùng tập thể nhân viên Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát đã giúp đỡ và tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Sinh viên

Phạm Thị Minh Châu

CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán

Thanh toán đơn giản là thuật ngữ ngắn gọn mô tả việc chuyển giao các phương tiện tài chính từ một bên (người hoặc công ty, tổ chức) sang một bên khác, thường được sử dụng khi trao đổi sản phẩm hoặc dịch vụ trong một giao dịch có ràng buộc pháp lý.

1.1.1 Phương thức thanh toán

Là cách thức nhận, trả tiền hàng trong giao dịch mua bán giữa các cá nhân, các đơn vị, các doanh nghiệp với nhau, hai bên đồng thời thống nhất phương thức thanh toán áp dụng cho giao dịch đó.

Có hai phương thức thanh toán:

- Phương thức thanh toán trả ngay: Sau khi nhận được hàng mua, doanh nghiệp thanh toán tiền ngay cho người bán, có thể bằng tiền mặt, bằng chuyển khoản,...
- Phương thức thanh toán chậm trả: Doanh nghiệp đã nhận được hàng nhưng chưa thanh toán tiền cho người bán. Việc thanh toán chậm trả có thể thực hiện theo điều kiện tín dụng ưu đãi theo thỏa thuận.

1.1.2 Hình thức thanh toán

Hình thức thanh toán cổ xưa nhất đó là hàng đổi hàng, còn hiện nay có rất nhiều hình thức thanh toán gồm: tiền mặt, chuyển khoản, ghi nợ, tín dụng, séc,... Đây là những cách thức nhận trả tiền hàng trong giao dịch mua bán giữa các cá nhân, đơn vị, doanh nghiệp với nhau. Hai bên phải cùng thống nhất phương thức thanh toán áp dụng cho giao dịch đó. Trong giao dịch thương mại thanh toán phải đi kèm với hóa đơn và biên nhận.

Hiện nay, có hai hình thức thanh toán cơ bản là: thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt.

1.1.2.1 Thanh toán bằng tiền mặt: hiện nay không được các doanh nghiệp sử dụng nhiều. Thanh toán bằng tiền mặt chủ yếu dùng cho các nghiệp vụ phát sinh số tiền nhỏ (hiện nay áp dụng cho số tiền dưới 20 triệu), nghiệp vụ đơn giản và

khoảng cách địa lý giữa hai bên hẹp. Hình thức thanh toán bằng tiền mặt có thể chia thành:

- Thanh toán bằng Việt Nam đồng
- Thanh toán bằng ngoại tệ.
- Thanh toán bằng hối phiếu ngân hàng
- Thanh toán bằng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, hoặc các giấy tờ có giá trị.

1.1.2.2 Thanh toán không bằng tiền mặt: là hình thức thanh toán được thực hiện bằng cách chuyển khoản hoặc thanh toán bù trừ qua các đơn vị trung gian là ngân hàng. Các hình thức bao gồm: Thanh toán bằng Séc, thanh toán bằng ủy nhiệm thu, thanh toán bằng ủy nhiệm chi, thanh toán bằng thư tín dụng – L/C.

a) Thanh toán bằng Séc: Séc là chứng từ thanh toán do chủ tài khoản lập trên mẫu in sẵn đặc biệt của ngân hàng, yêu cầu ngân hàng tính tiền từ tài khoản của mình trả cho đơn vị có tên trên Séc. Đơn vị phát hành Séc hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc sử dụng Séc. Séc chỉ phát hành khi tài khoản ở ngân hàng có số dư. Séc thanh toán gồm có Séc chuyển khoản, Séc bảo chi, Séc tiền mặt và Séc định mức.

b) Thanh toán bằng ủy nhiệm thu: Ủy nhiệm thu là hình thức mà chủ tài khoản ủy nhiệm cho ngân hàng thu hộ một số tiền nào đó từ khách hàng hoặc các đối tượng khác.

c) Thanh toán bằng ủy nhiệm chi: Ủy nhiệm chi là giấy tùy nhiệm của chủ tài khoản nhờ ngân hàng phục vụ mình chuyển một số tiền nhất định để trả cho nhà cung cấp, nộp ngân sách Nhà nước, và một số khoản thanh toán khác,...

d) Thanh toán bù trừ: Áp dụng trong điều kiện hai tổ chức có quan hệ mua và bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ lẫn nhau. Theo hình thức thanh toán này, định kỳ hai bên phải đối chiếu giữa số tiền được thanh toán và số tiền phải thanh toán với nhau do bù trừ lẫn nhau. Các bên tham gia thanh toán chỉ cần phải chi trả số chênh lệch sau khi đã bù trừ. Việc thanh toán giữa hai bên phải trên cơ sở thỏa thuận rồi lập thành một văn bản để làm căn cứ theo dõi.

e) Thanh toán bằng tín dụng – L/C: theo hình thức này khi

muahàng, bên mua phải lập một khoản tín dụng tại ngân hàng để đảm bảo khả năng thanh toán cho bên bán. Khi giao hàng xong, ngân hàng của bên mua sẽ phải chuyển số tiền phải thanh toán cho ngân hàng của bên bán. Hình thức này áp dụng cho các đơn vị khác địa phương, không tín nhiệm lẫn nhau. Trong thực tế, hình thức này ít được sử dụng trong thanh toán nội địa nhưng lại phát huy tác dụng và được sử dụng phổ biến trong thanh toán quốc tế, với đồng tiền thanh toán chủ yếu là ngoại tệ.

f) Thanh toán bằng thẻ tín dụng: Hình thức này được sử dụng chủ yếu cho các khoản thanh toán nhỏ.

1.2. Nội dung công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán

1.2.1. Nội dung công tác kế toán thanh toán với người mua

1.2.1.1 Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua

Theo khoản 1 Điều 18 Thông tư 200/2014/TT-BTC khi hạch toán tài khoản 131 (tài khoản phải thu của khách hàng) phải tuân thủ những nguyên tắc sau:

* Tài khoản 131 dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, tài sản cố định (TSCĐ), các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ. Tài khoản 131 còn dùng để phản ánh các khoản phải thu của người nhận thầu xây dựng cơ bản (XDCB) với người giao thầu về khối lượng công tác XDCB đã hoàn thành.

Lưu ý: Không phản ánh vào tài khoản 131 các nghiệp vụ thu tiền ngay.

* Khoản phải thu của khách hàng cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi và ghi chép theo từng lần thanh toán. Đối tượng phải thu là các khách hàng có quan hệ kinh tế với doanh nghiệp về mua sản phẩm, hàng hóa, nhận cung cấp dịch vụ, kể cả TSCĐ, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính.

* Bên giao ủy thác xuất khẩu ghi nhận trong tài khoản 131 đối với các khoản phải thu từ bên nhận ủy thác xuất khẩu về tiền bán hàng xuất khẩu như các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ thông thường.

* Trong hạch toán chi tiết tài khoản 131, kế toán phải tiến hành phân loại các khoản nợ, loại nợ có thể trả đúng hạn, khoản nợ khó đòi hoặc có khả năng không thu hồi được, để có căn cứ xác định số trích lập dự phòng phải thu khó đòi hoặc có biện pháp xử lý đối với khoản nợ phải thu không đòi được.

* Trong quan hệ bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ theo thoả thuận giữa doanh nghiệp với khách hàng, nếu sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư đã giao, dịch vụ đã cung cấp không đúng theo thoả thuận trong hợp đồng kinh tế thì người mua có thể yêu cầu doanh nghiệp giảm giá hàng bán hoặc trả lại số hàng đã giao.

* Doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải thu của khách hàng theo từng loại nguyên tệ.

1.2.1.2 Chứng từ kế toán sử dụng

- Hợp đồng bán hàng
- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo có ngân hàng
- Biên bản bù trừ công nợ
- Biên bản thanh lý hợp đồng
- Các chứng từ có liên quan khác.

1.2.1.3 Tài khoản kế toán sử dụng

Để theo dõi các khoản thanh toán với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, tài khoản kế toán sử dụng tài khoản 131- Phải thu của khách hàng. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, tài sản cố định, dịch vụ cung cấp.

Tài khoản 131 có kết cấu như sau:

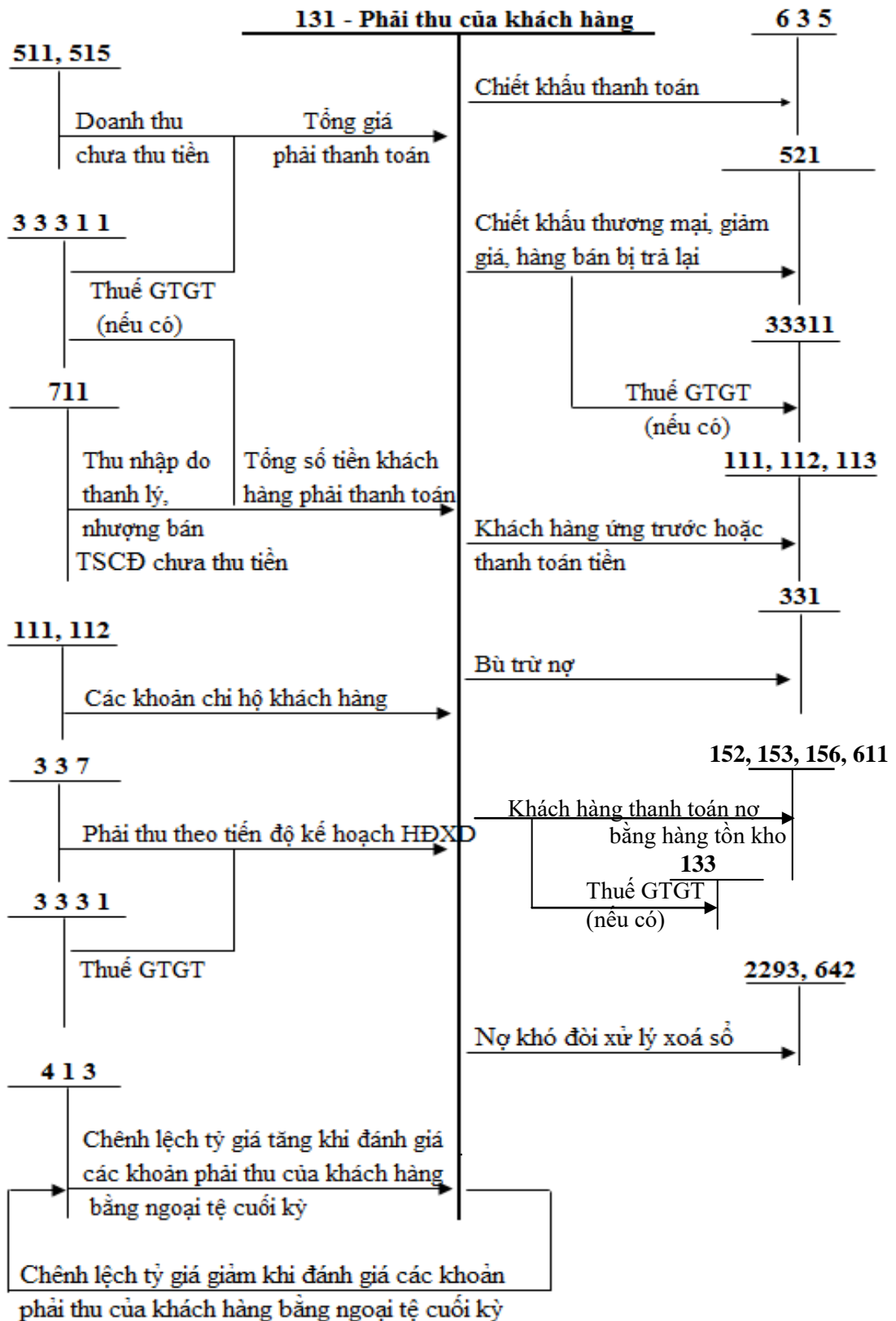
Bên nợTK 131Bên có

<p>PSTK</p> <ul style="list-style-type: none">- Số tiền phải thu của khách hàng phát sinh trong kỳ khi bán sản phẩm, hàng hóa, BĐSĐT, TSCĐ, dịch vụ, các khoản đầu tư tài chính.- Số tiền thừa trả lại cho khách hàng.- Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).	<ul style="list-style-type: none">- Số tiền khách hàng đã trả nợ.- Số tiền đã nhận ứng trước, trả trước của khách hàng.- Số tiền chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho người mua.- Doanh thu của số hàng đã bán bị người mua trả lại (có thuế GTGT hoặc không có thuế GTGT).- Khoản giảm giá hàng bán trừ vào nợ phải thu khác hàng.- Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).
<p>SDCK</p> <ul style="list-style-type: none">- Số tiền còn phải thu của khách hàng.	<ul style="list-style-type: none">- Số tiền nhận trước, hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ thể.

1.2.1.4 Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua

Kế toán thanh toán với người mua được thể hiện qua sơ đồ sau: (Sơ đồ 1.1)

KẾ TOÁN PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG



Sơ đồ 1.1: Kế toán thanh toán với người mua theo TT 200/2014/TT-BTC

1.2.2. Nội dung công tác kế toán thanh toán với người bán***1.2.2.1 Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán***

Theo Khoản 1 Điều 51 Thông tư 200/2014/TT-BTC khi hạch toán tài khoản 331 (tài khoản phải trả người bán) phải tuân thủ những nguyên tắc sau:

* Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết. Tài khoản này cũng được dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ. Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ mua trả tiền ngay.

* Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong chi tiết từng đối tượng phải trả, tài khoản này phản ánh cả số tiền đã ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

* Doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải trả cho người bán theo từng loại nguyên tệ. Đối với các khoản phải trả bằng ngoại tệ thì thực hiện theo nguyên tắc:

- Khi phát sinh các khoản nợ phải trả cho người bán (bên có tài khoản 331) bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch). Riêng trường hợp ứng trước cho nhà thầu hoặc người bán, khi đủ điều kiện ghi nhận tài sản hoặc chi phí thì bên Có tài khoản 331 áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh đối với số tiền đã ứng trước.

- Khi thanh toán nợ phải trả cho người bán (bên Nợ tài khoản 331) bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng chủ nợ (Trường hợp chủ nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động các

giao dịch của chủ nợ đó). Riêng trường hợp phát sinh giao dịch ứng trước tiền cho nhà thầu hoặc người bán thì bên Nợ tài khoản 331 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế (là tỷ giá bán của ngân hàng nơi thường xuyên có giao dịch) tại thời điểm ứng trước;

- Doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả cho người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các đơn vị trong tập đoàn được áp dụng chung một tỷ giá do Công ty mẹ quy định (phải đảm bảo sát với tỷ giá giao dịch thực tế) để đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán có gốc ngoại tệ phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn.

* Bên giao nhập khẩu ủy thác ghi nhận trên tài khoản này số tiền phải trả người bán về hàng nhập khẩu thông qua bên nhận nhập khẩu ủy thác như khoản phải trả người bán thông thường.

* Những vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, nhập kho nhưng đến cuối tháng vẫn chưa có hóa đơn thì sử dụng giá tạm tính để ghi sổ và phải điều chỉnh về giá thực tế khi nhận được hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức của người bán.

* Khi hạch toán chi tiết các khoản này, kế toán phải hạch toán rõ ràng, rành mạch các khoản chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán của người bán, người cung cấp nếu chưa được phản ánh trong hóa đơn mua hàng.

1.2.2.2 Chứng từ kế toán sử dụng

- Hợp đồng kinh tế
- Hóa đơn mua hàng
- Biên bản kiểm nghiệm
- Phiếu nhập kho

- Biên bản đối chiếu công nợ
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Ủy nhiệm chi
- Biên bản thanh lý hợp đồng
- Các chứng từ liên quan khác

1.2.1.3 Tài khoản kế toán sử dụng

Tài khoản sử dụng: TK 331- phải trả cho người bán. Để theo dõi các khoản nợ phải trả cho người cung cấp, người bán vật tư hàng hóa, dịch vụ... kế toán sử dụng tài khoản 331 - Phải trả cho người bán. Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả.

Tài khoản 331 có kết cấu như sau:

Bên nợ TK 331 Bên có

PSTK

- Số tiền đã trả cho người bán vật tư, hàng hóa và người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp. Số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ, khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao.
- Giá trị vật tư, hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán.
- Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hóa hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng.
- Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào các khoản nợ phải trả cho người bán.
- Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với tỷ giá ghi sổ kế toán).

- Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ và người nhận thầu xây lắp.
- Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với tỷ giá ghi sổ kế toán).
- Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, khi có hóa đơn hoặc giá được thông báo chính thức.

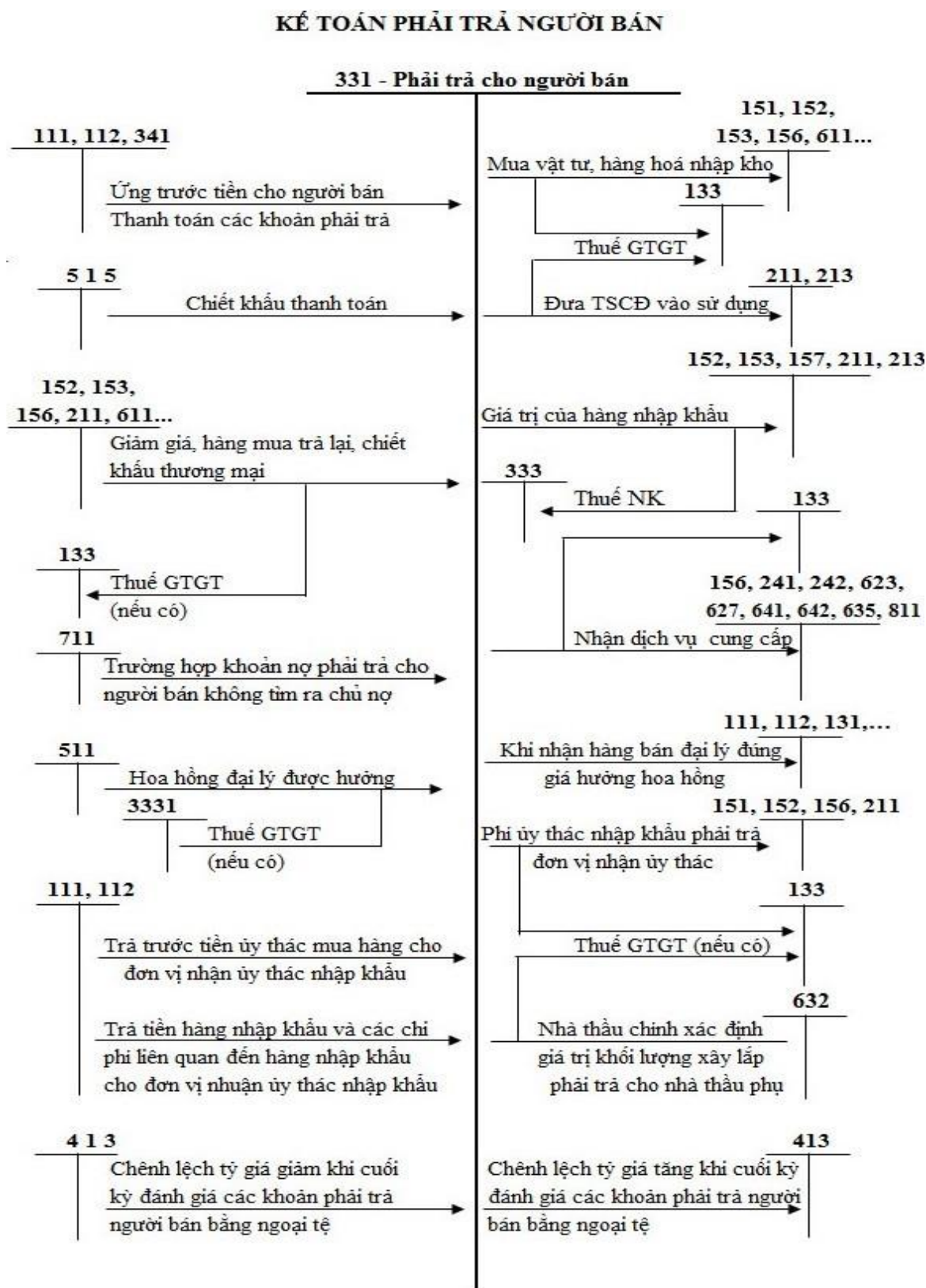
SDCK

- Số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ thể.

- Số tiền còn phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây dựng.

1.2.2.4 Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán

Kế toán thanh toán với người bán được thể hiện qua sơ đồ sau:(Sơ đồ 1.2)



Sơ đồ 1.2: Kế toán thanh toán với người bán theo TT 200/2014/TT-BTC

1.2.3. Nội dung công tác kế toán các nghiệp vụ thanh toán liên quan đến ngoại tệ**1.2.3.1 Tỷ giá và quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán**

Tỷ giá: Tỷ giá (còn được gọi là tỷ giá trao đổi ngoại tệ) giữa hai tiền tệ là tỷ giá mà tại đó một đồng tiền này sẽ được trao đổi cho một đồng tiền khác. Nó cũng được coi là giá cả đồng tiền của một quốc gia được biểu hiện bởi một tiền tệ khác.

Quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán:

- Khi doanh nghiệp thực hiện giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra một đơn vị tiền tệ thống nhất mà đơn vị mình sử dụng (USD). Việc quy đổi phải căn cứ vào tỷ giá của nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố để ghi sổ.

- Trong kế toán sử dụng loại tỷ giá: tỷ giá giao dịch, tỷ giá xuất và tỷ giá ghi nhận nợ.

Tỷ giá giao dịch hay còn gọi là tỷ giá thực tế (là tỷ giá do ngân hàng nhà nước VN công bố tại thời điểm các nghiệp vụ kinh tế phát sinh), tỷ giá này được sử dụng khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế liên quan tới doanh thu, chi phí hàng tồn kho, TSCĐ, khi tăng tiền mặt, tiền gửi hoặc ghi tăng công nợ là ngoại tệ.

Tỷ giá xuất là tỷ giá ghi trên sổ kế toán trước thời điểm thanh toán, tỷ giá này được sử dụng đối với các trường hợp giảm vốn bằng tiền là ngoại tệ và được tính theo phương pháp bình quân, FIFO hoặc đích danh.

Tỷ giá ghi nhận nợ là tỷ giá được ghi chép trên sổ kế toán tại thời điểm phát sinh giao dịch mua bán, tỷ giá này được sử dụng trong trường hợp ghi giảm công nợ là ngoại tệ.

- Cuối năm tài chính, kế toán phải tiến hành đánh giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm đó.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái chủ yếu phát sinh trong các trường hợp:

- Thực tế mua bán, trao đổi, thanh toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ trong kỳ (chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện);

- Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);

- Chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam.

Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam phải căn cứ vào: Tỷ giá giao dịch thực tế, tỷ giá xuất và tỷ giá ghi sổ kế toán

1.2.3.2 Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ

a) Tài khoản sử dụng:

- 131 - Phải thu khách hàng

- 331 - Phải trả người bán

- 635 - Chi phí tài chính (Trường hợp lỗ tỷ giá)

- 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (Trường hợp lãi tỷ giá)

Cuối kì hạch toán, kế toán điều chỉnh tỷ giá số dư phải thu và gốc phải trả có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân liên Ngân hàng tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

b) Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua liên quan đến ngoại tệ

- Tại thời điểm ghi doanh thu và khách hàng nhận nợ dựa vào tỷ giá thực tế hiện hành, ghi:

Nợ TK 131 : Tỷ giá ghi nhận nợ - tỷ giá thực tế

Có TK 511 : Tỷ giá thực tế

Có TK 3331: Tỷ giá thực tế

- Khi thu được tiền nợ phải thu bằng ngoại tệ:

✓ Nếu phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá trong giao dịch thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ, kế toán ghi:

Nợ TK 111(1112), 112(1122): Tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày giao dịch

Nợ TK 635: Lỗ tỷ giá hối đoái

Có TK 131: Tỷ giá ghi sổ kế toán (tỷ giá nhận nợ)

✓ Nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái khi thanh toán nợ phải thu

bằng ngoại tệ ,ghi:

Nợ các TK 111(1112),112(1122): Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch

Có TK 515: Lãi tỷ giá hối đoái

Có TK 131: Tỷ giá ghi sổ kế toán (tỷ giá nhận nợ)

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư nợ phải thu của khách hàng bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

✓ Nếu tỷ giá ngoại tệ tăng so với tỷ giá Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 413- Chênh lệch tỷ giá hối đoái(4131).

✓ Nếu tỷ giá ngoại tệ giảm so với tỷ giá Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái(4131)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

c) Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán liên quan đến ngoại tệ

- Khi phát sinh các khoản công nợ đối với người bán thì phải theo dõi cả số nguyên tệ phát sinh, ghi:

Nợ TK 152, 153, 621, 211: tỷ giá thực tế

Nợ TK 133: tỷ giá thực tế

Có TK 331: tỷ giá thực tế

- Khi thanh toán:

✓ Nếu phát sinh lỗ tỷ giá:

Nợ TK 331: tỷ giá ghi sổ kế toán

Nợ TK 635: nếu lỗ về tỷ giá hối đoái

Có TK111, 112...: số tiền đã trả theo tỷ giá thực tế

✓ Nếu phát sinh lãi tỷ giá

Nợ TK 331: tỷ giá ghi sổ kế toán

Có TK 111,112... : số tiền đã trả theo tỷ giá thực tế.

Có TK 515: nếu lãi về tỷ giá hối đoái.

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư nợ phải trả cho người bán bằng ngoại tệ

được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

✓ Nếu tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131).

✓ Nếu tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán.

1.3. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Căn cứ để lập trích lập dự phòng là thông tư số 48/2019/TT-BTC.

1.3.1 Điều kiện, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

a) Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

b) Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng. Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

1.3.2. Nguyên tắc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

a) Khi lập Báo cáo tài chính: Doanh nghiệp xác định các khoản nợ phải thu khó đòi và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự có khả năng không đòi được để trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi.

b) Doanh nghiệp trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi:

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên;

- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn;

c) Điều kiện, căn cứ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

- Phải có chứng từ gốc hoặc giấy xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ chưa trả bao gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ...

- Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi thực hiện theo quy định hiện hành.

- Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

d) Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Trường hợp khoản dự phòng phải thu khó đòi phải lập ở cuối kỳ kế toán này lớn hơn số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi đang ghi trên sổ kế toán thì số chênh lệch lớn hơn được ghi tăng dự phòng và ghi tăng chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Trường hợp khoản dự phòng phải thu khó đòi phải lập ở cuối kỳ kế toán này nhỏ hơn số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi đang ghi trên sổ kế toán thì

số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập ghi giảm dự phòng và ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

e) Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm, doanh nghiệp đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì doanh nghiệp có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xoá những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán. Việc xoá các khoản nợ phải thu khó đòi phải thực hiện theo quy định của pháp luật và điều lệ doanh nghiệp. Số nợ này được theo dõi trong hệ thống quản trị của doanh nghiệp và trình bày trong thuyết minh BCTC. Nếu sau khi đã xoá nợ, doanh nghiệp lại đòi được nợ đã xử lý thì số nợ thu được sẽ hạch toán vào tài khoản 711 "Thu nhập khác".

1.3.3. Phương pháp kế toán dự phòng phải thu khó đòi

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 229: Dự phòng tổn thất tài sản

Kết cấu tài khoản 229:

- Bên nợ:

Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích kỳ trước chưa sử dụng hết.

Bù đắp giá trị khoản đầu tư vào đơn vị khác khi có quyết định dùng số dự phòng đã đập để bù đắp số tổn thất xảy ra.

Bù đắp giá trị đã được lập dự phòng của khoản nợ không thể thu hồi được phải xóa sổ.

- Bên có:

Trích lập các khoản dự phòng tổn thất tài sản tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Số dư bên có: Số dự phòng tổn thất tài sản hiện có cuối kỳ.

Theo Khoản 3 Điều 45 TT200/2014/TT-BTC Phương pháp kế toán dự phòng phải thu khó đòi như sau:

a) Khi lập Báo cáo tài chính, căn cứ các khoản nợ phải thu được phân loại là nợ phải thu khó đòi, nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán

này lớn hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293).

b) Khi lập Báo cáo tài chính, căn cứ các khoản nợ phải thu được phân loại là nợ phải thu khó đòi, nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, kế toán hoàn nhập phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293)

Có TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp.

c) Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định là không thể thu hồi được, kế toán thực hiện xoá nợ theo quy định của pháp luật hiện hành. Căn cứ vào quyết định xoá nợ, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 331, 334....(phần tổ chức cá nhân phải bồi thường)

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293)(phần đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (phần được tính vào chi phí)

Có các TK 131, 138, 128, 244...

d) Đối với những khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xoá nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ các TK 111, 112,....

Có TK 711 - Thu nhập khác.

đ) Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn được bán theo giá thỏa thuận, tùy từng trường hợp thực tế, kế toán ghi nhận như sau:

- Trường hợp khoản phải thu quá hạn chưa lập dự phòng phải thu khó đòi, ghi:

Nợ các TK 111, 112 (theo giá bán thỏa thuận)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (số tồn thất từ việc bán nợ)

Có các TK 131, 138, 128, 244...

- Trường hợp khoản phải thu quá hạn đã lập dự phòng phải thu khó đòi nhưng số đã lập dự phòng không đủ bù đắp tổn thất khi bán nợ thì số tồn thất còn lại được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp, ghi:

Nợ các TK 111, 112 (theo giá bán thỏa thuận)

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293) (số đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (số tồn thất từ việc bán nợ)

Có các TK 131, 138, 128, 244...

e) Kế toán xử lý các khoản dự phòng phải thu khó đòi trước khi doanh nghiệp Nhà nước chuyển thành công ty cổ phần: Khoản dự phòng phải thu khó đòi sau khi bù đắp tổn thất, nếu được hạch toán tăng vốn Nhà nước, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293)

Có TK 411 - Vốn đầu tư của chủ sở hữu.

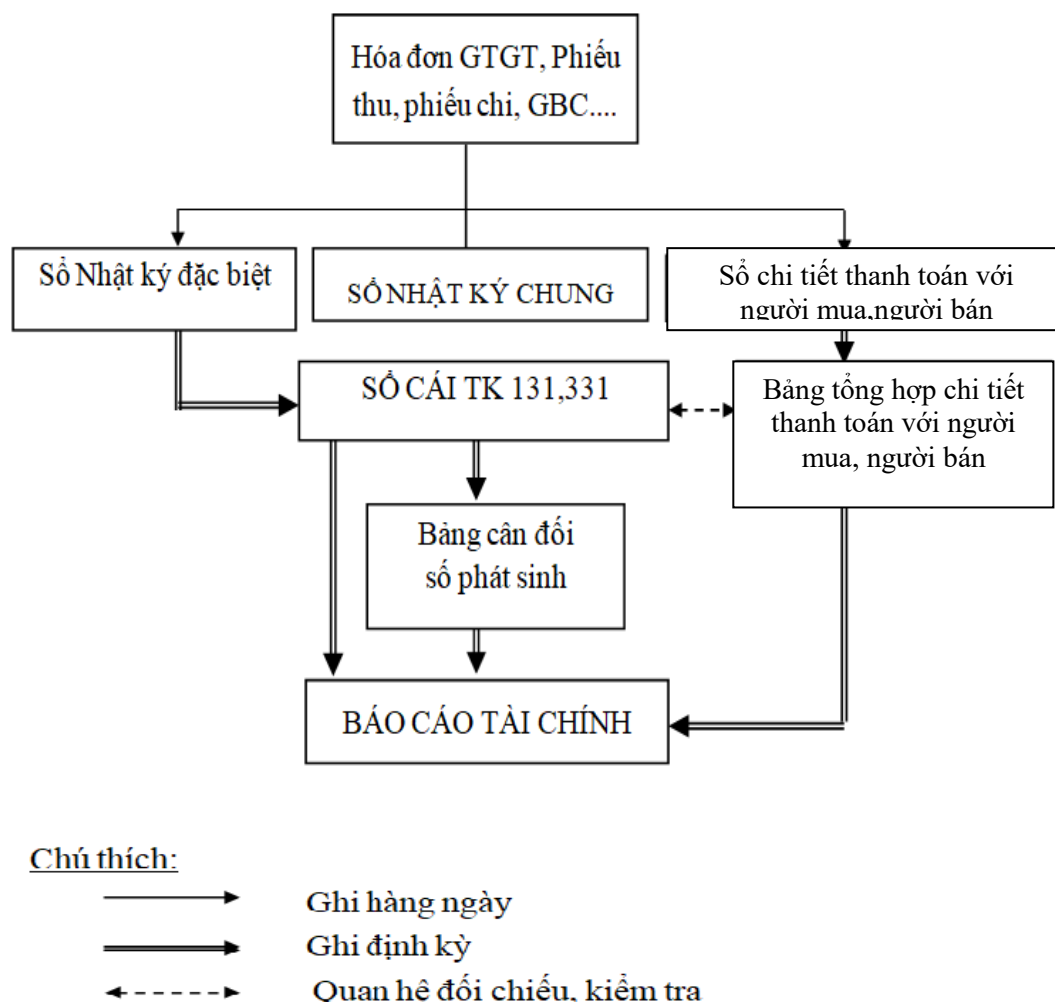
1.4. Các hình thức ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo TT200/2014/TT-BTC

Theo quy định hiện hành các doanh nghiệp có thể tự xây dựng hệ thống sổ sách cho riêng mình. Tuy nhiên, trong trường hợp không tự xây dựng được các doanh nghiệp có thể áp dụng hệ thống sổ sách kế toán theo TT 200/2014/TT-BTC gồm 5 hình thức sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung,
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái,
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ,
- Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ,
- Hình thức kế toán Trên máy vi tính.

1.4.1. Hình thức ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký chung

Hình thức ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký chung được thể hiện qua sơ đồ sau: (Sơ đồ 1.3)



Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

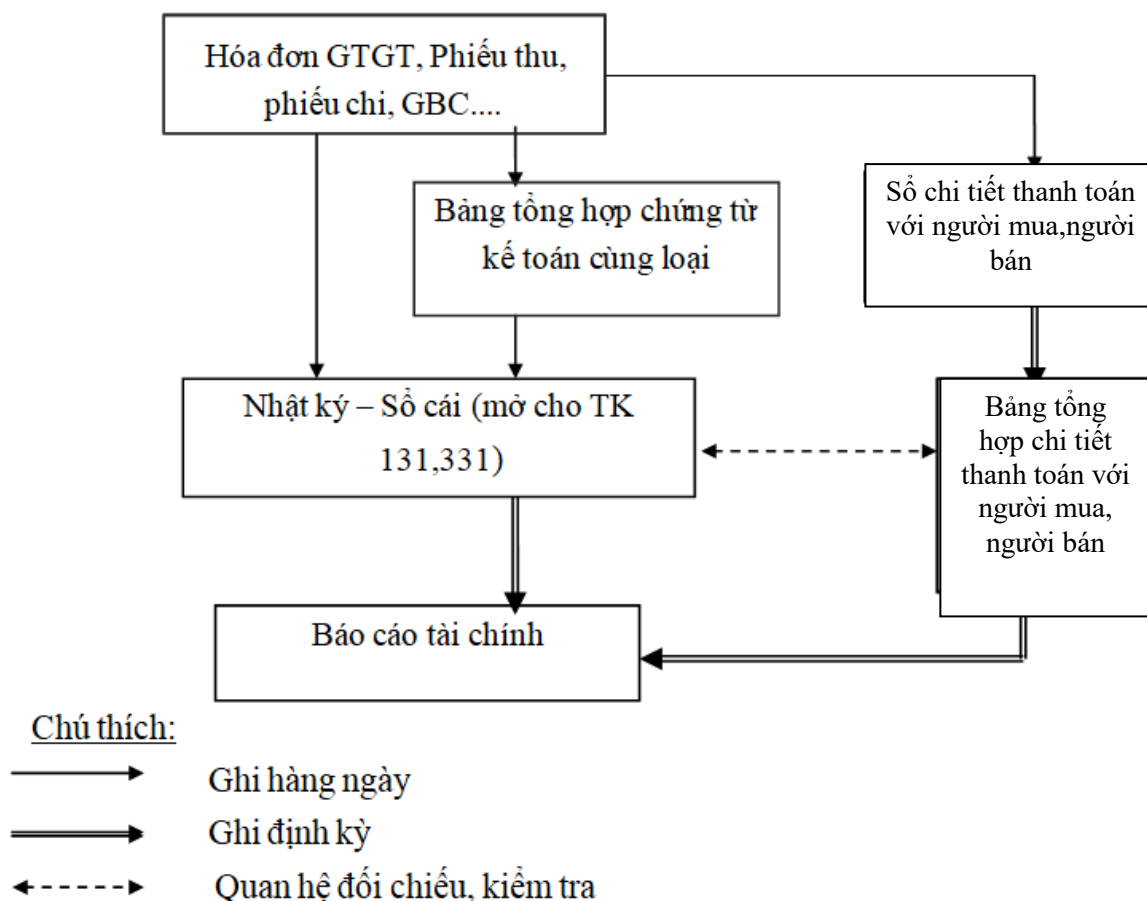
Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải ghi vào sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Sổ nhật ký chung, nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.4.2. Hình thức ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái

Hình thức ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái được thể hiện qua sơ đồ sau(Sơ đồ 1.4):



Sơ đồ 1.4: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

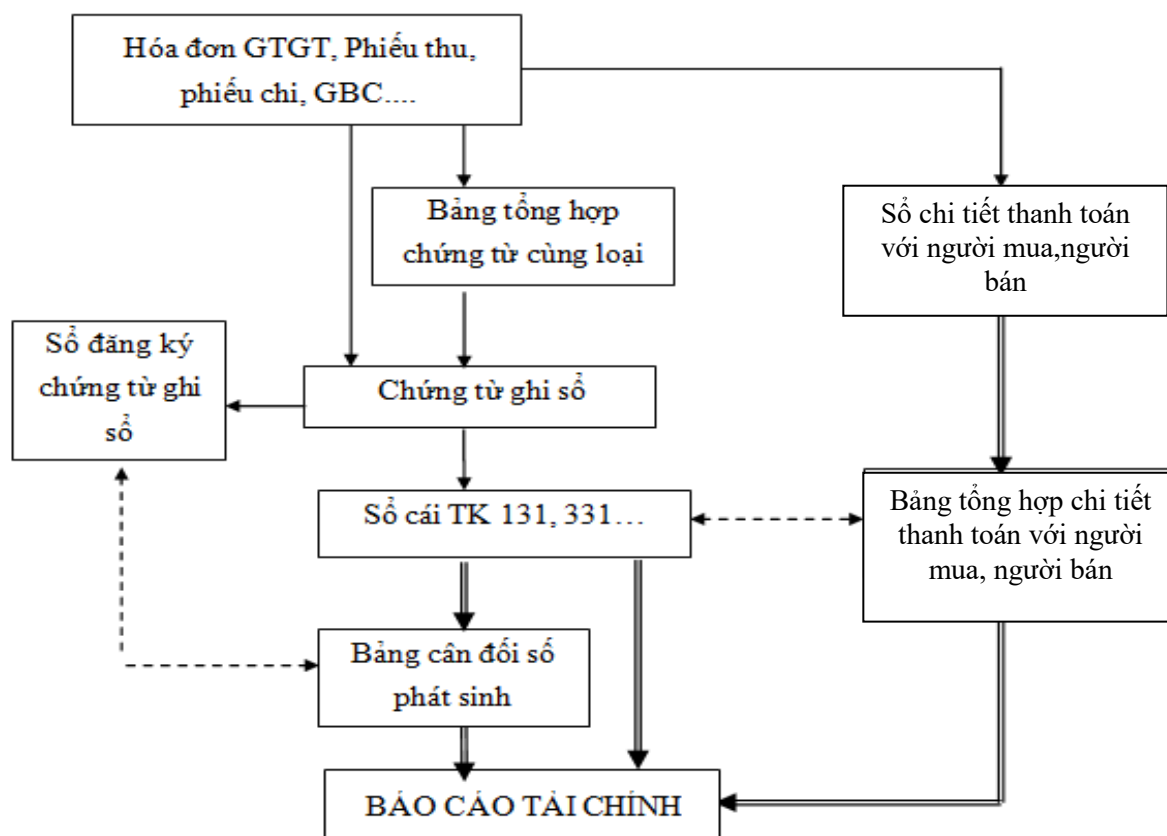
Theo hình thức sổ này thì toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian được phản ánh trên cùng một vài trang sổ Nhật ký - Sổ cái. Đây là sổ tổng hợp duy nhất. Toàn bộ các nghiệp vụ tài khoản mà doanh nghiệp sử dụng sẽ được phản ánh trên Nhật ký sổ cái. Mỗi một chứng từ sẽ được phản ánh một dòng trên Nhật ký - sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Nhật ký- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.4.3. Hình thức ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

Hình thức ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Chứng từ ghi sổ được thể hiện qua sơ đồ sau(Sơ đồ 1.5):



Chú thích:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi định kỳ
- - - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

- Căn cứ trực tiếp ghi sổ cái là các chứng từ ghi sổ. Theo hình thức này căn cứ vào chứng từ gốc kế toán lập chứng từ ghi sổ, các chứng từ ghi sổ sau khi lập xong sẽ được xếp hàng vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ để lấy số hiệu ngày tháng. Các Chứng từ ghi sổ sau khi Đăng ký lấy số hiệu cùng các chứng từ gốc đính kèm được kế toán trưởng duyệt sẽ là căn cứ ghi sổ cái.

- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

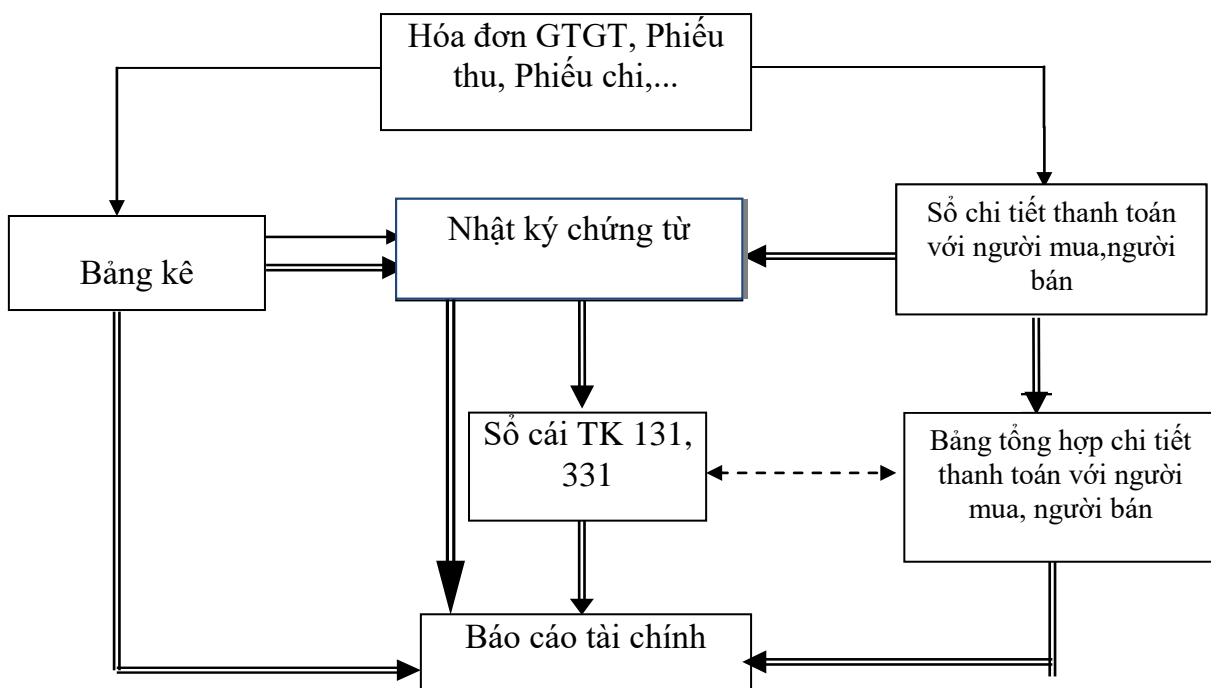
- Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

1.4.4. Hình thức ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký - Chứng từ

Dưới đây là hình thức ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký- Chứng từ được thể hiện qua sơ đồ sau: (Sơ đồ 1.6)



Chú thích:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi định kỳ
- ←- - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký- Chứng từ.

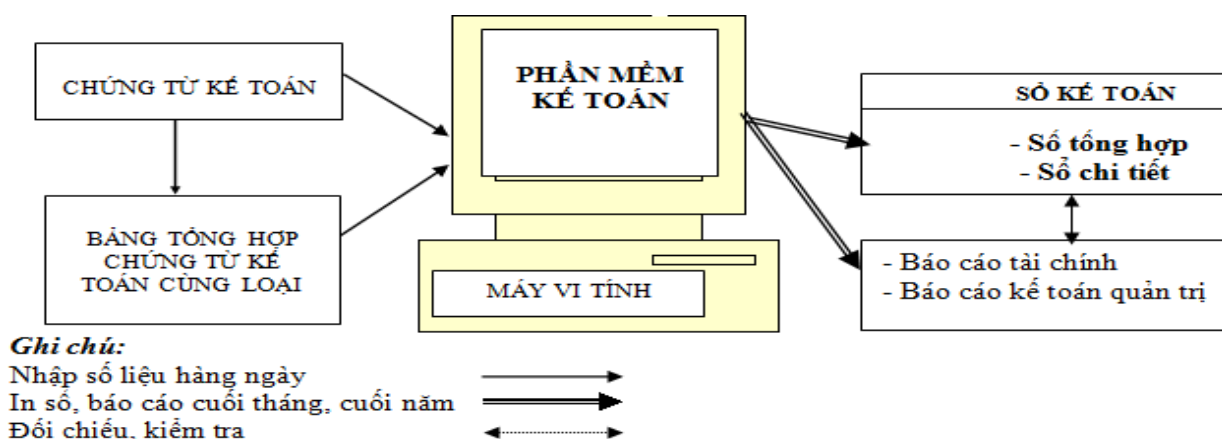
- Hằng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào Nhật ký- chứng từ hoặc bảng kê, Sổ chi tiết có liên quan. Đối với các loại chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các bảng kê và Nhật ký- chứng từ có liênquan. Đối với các Nhật ký- Chứng từ được ghi căn cứ vào các bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký- Chứng từ.

- Cuối kỳ, kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được lập trong kì.

- Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã được in ra giấy.

1.4.5. Hình thức ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán Trên máy vi tính

Hình thức ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán máy được thể hiện qua sơ đồ sau (Sơ đồ 1.7):



Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán máy.

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính.

Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

- Cuối kỳ, kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ.

- Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG

TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI

MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH NGUYỄN ĐỨC PHÁT

2.1. Khái quát về công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

CÔNG TY TNHH NGUYỄN ĐỨC PHÁT

Mã số thuế: 0200576471

Vốn điều lệ: 9 tỷ đồng

Địa chỉ: Số 239 đường Hải Triều, tổ dân phố Hải Triều 1, Phường Quán Toan, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng.

Tên giao dịch: NGUYEN DUC PHAT COMPANY LIMITED

Tên viết tắt: NGUYEN DUC PHAT CO.,LTD

Đại diện pháp luật: Nguyễn Văn Vinh

Điện thoại: 0313850785

Ngày cấp giấy phép: 15/02/2004

Ngày hoạt động: 15/02/2004

Quản lý bởi: Chi cục Thuế khu vực Hồng Bàng - An Dương

Loại hình DN: Công ty trách nhiệm hữu hạn ngoài NN

Giấy phép kinh doanh: 0200576471

Ngành nghề chính: Bán buôn kim loại và quặng kim loại

Trạng thái: Đang hoạt động (đã được cấp GCN ĐKT)

Từ khi thành lập(07/12/2011) cho đến nay, với bao nỗ lực, công ty đã mở rộng về quy mô và phát triển ngành nghề kinh doanh:

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY:

1. Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
2. Sửa chữa máy móc, thiết bị
3. Hoàn thiện công trình xây dựng
4. Bán buôn kim loại và quặng kim loại

5. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
6. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
7. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ

2.1.2. Mặt hàng kinh doanh tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

Hàng hóa chính của công ty:

Ống thép mạ kẽm: Hàng hóa chính của Công ty là các loại ống thép mạ kẽm nhúng nóng đường kính từ $\Phi 21.2$ đến $\Phi 219.1\text{mm}$ theo tiêu chuẩn BS 1387/1985

Thép tròn cuộn cán nóng $\Phi 6, \Phi 8$: Được cung cấp ở dạng cuộn, trọng lượng khoảng 200 kg đến 2.000 kg/cuộn. Các thông số kích thước, diện tích mặt cắt ngang, khối lượng 1m chiều dài, sai lệch cho phép và các đại lượng cần tính toán khác theo quy định cụ thể trong tiêu chuẩn.

Thép cốt bê tông thanh vằn D10 ~ D41: Thép thanh vằn hay còn gọi là thép cốt bê tông mặt ngoài có gân đường kính từ 10mm đến 40mm ở dạng thanh có chiều dài 11,7m hoặc theo yêu cầu của khách hàng. Các thông số kích thước, diện tích mặt cắt ngang, khối lượng 1m chiều dài, sai lệch cho phép và các đại lượng cần tính toán khác theo quy định cụ thể trong tiêu chuẩn.

Thép góc chữ L: Thép góc đều cạnh có kích thước 25x25mm đến 150x150mm với nhiều độ dày khác nhau, chiều dài thanh từ 6m đến 12m hoặc theo yêu cầu của khách hàng. Các thông số kích thước, diện tích mặt cắt ngang, khối lượng 1m chiều dài, sai lệch cho phép và các đại lượng cần tính toán khác theo quy định cụ thể trong tiêu chuẩn.

Thép hình chữ I 100 - 140 mm: Thép chữ I có kích thước I10 đến I20, chiều dài từ 6m đến 9m hoặc theo yêu cầu của khách hàng. Các thông số kích thước, diện tích mặt cắt ngang, khối lượng 1m chiều dài, sai lệch cho phép và các đại lượng cần tính toán khác theo quy định cụ thể trong tiêu chuẩn.

Thép tròn trơn cán nóng D10~ D40 mm: Được đóng bó với khối lượng không quá 5 tấn, sản phẩm được bó ít nhất bằng 3 dây thép hoặc đai. Các thông số kích thước, diện tích mặt cắt ngang, khối lượng 1m chiều dài, sai lệch cho

phép và các đại lượng cần tính toán khác theo quy định cụ thể trong tiêu chuẩn.

Thép tấm cán nóng: DÀY: 2.5 ~ 60 mm, RỘNG: 1.000 ~ 1.200 mm, DÀI: 6000 ~ 9.000 ~ 12.000 mm

Phôi thép vuông & Phôi thép dẹp: Phôi thép vuông: 120X120 (150X150) X 6.000mm, Phôi thép dẹp: 100-120x1.253 x 1.550 mm.

Thép hình chữ C: Thép chữ C có kích thước từ C8 đến C20, chiều dài thành từ 6m đến 9m hoặc theo yêu cầu của khách hàng. Các thông số kích thước, diện tích mặt cắt ngang, khối lượng 1m chiều dài, sai lệch cho phép và các đại lượng cần tính toán khác theo quy định cụ thể trong tiêu chuẩn.

Thép hộp vuông từ 12 ~ 80 mm: Từ 12x12x0.7ly, Thép hộp vuông 14 x 14 vuông 16x16, vuông 20x20, vuông 25x25, vuông 30x30, vuông 40x40, vuông 50x50, vuông 60x60, vuông 75x75, vuông 80x80, vuông 90x90, vuông 100x100, vuông 120x120, vuông 125x125, vuông 150x150, vuông 175x175, vuông 180x180, vuông 200x200, Hộp vuông 300x300...

2.1.3 Những thuận lợi, khó khăn của công ty

Trong quá trình hoạt động của mình, công ty đã có được rất nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn.

➤ Về thuận lợi

- Ngày nay với tốc độ đô thị hóa khá nhanh nên nhu cầu xây dựng các công trình tòa nhà cao ốc, căn hộ, nhà phố, nhà công nghiệp, cầu đường bộ... ngày càng nhiều. Đó là điều kiện thuận lợi trong việc phát triển kinh doanh của công ty.

- Các phương tiện vận tải hiện đại, đa dạng để phục vụ cho đa dạng các loại hàng hóa với khối lượng và kích thước khác nhau.

- Đội ngũ nhân viên có năng lực, tinh thần trách nhiệm cao với công việc.

- Trang thiết bị hiện đại, văn phòng được trang bị đầy đủ máy tính, các phương tiện thông tin liên lạc đảm bảo phục vụ tốt nhất cho công tác và công việc của mỗi nhân viên và hoạt động kinh doanh của công ty.

- Môi trường làm việc lành mạnh, chuyên môn hóa, các phòng ban được

phân công rõ ràng, nhất quán, bộ máy quản lý chuyên nghiệp.

➤ Về khó khăn

Trong thị trường hiện nay, đối thủ cạnh tranh không ngừng chiếm lĩnh thị trường điều đó đòi hỏi công ty cần có biện pháp mở rộng quy mô kinh doanh, chiếm thị trường, cạnh tranh cùng những doanh nghiệp khác.

2.1.4 Những thành tích của công ty

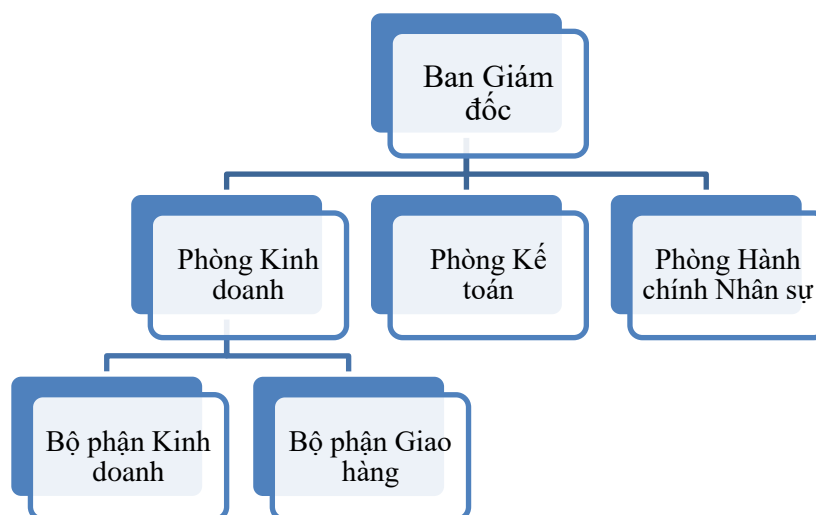
Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát có bề dày hoạt động chuyên doanh về các sản phẩm kim khí, vận tải, chế tạo và gia công cơ khí phục vụ các công trình... Trải qua nhiều thời kỳ thăng trầm, cùng với công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước Công ty Nguyễn Đức Phát đã từng bước chứng minh được định hướng đúng đắn để phát triển và có chỗ đứng vững chắc trong ngành công nghiệp Thép của Việt Nam cũng như trong khối các nước Đông Nam Á.

MỘT SỐ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY TỪ NĂM 2017-2019

Năm Chỉ tiêu	2017	2018	2019	Chênh lệch2018-2017		Chênh lệch2019-2018	
				Tuyệt đối	Tương đối	Tuyệt đối	Tương đối
Doanh Thu	77.684.792.485	85.975.512.764	112.667.524.256	8.290.720.279	0,11	8.290.720.279	0,11
LNTT	930.094.733	957.578.936	1.034.457.030	27.484.203	0,03	76.878.094	0,08
Nộp Ngân sách	208.459.643	204.684.267	218.643.519	(3.775.376)	-0,02	13.959.252	0,07
Thu nhập BQLĐ/năm	80.400.000	82.580.000	85.440.000	2.180.000	0.02	2.860.000	0.03

2.1.5 Mô hình tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

Mô hình tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau (Sơ đồ 2.1):



Sơ đồ 2.1: Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

- Ban Giám đốc công ty: Ông Nguyễn Văn Vinh - Là người đứng đầu chịu trách nhiệm trước pháp luật, đại diện hợp pháp của doanh nghiệp, người lãnh đạo cao nhất, lập ra định hướng phát triển cho công ty, đưa ra các quyết định đầu tư, kinh doanh và quản trị nội bộ doanh nghiệp, đồng thời giám sát bộ máy quản lý, các hoạt động kinh doanh, chính sách nhân sự, tài chính, chất lượng...

- Phòng Kinh doanh: Có nhiệm vụ lập kế hoạch, tiếp thị, khai thác nguồn hàng, phụ trách công tác hợp đồng, tìm kiếm và thiết lập quan hệ với khách hàng. Ngoài ra, phòng kinh doanh còn có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch tiêu thụ theo tháng/quý/năm và lập phương án kinh doanh cho công ty.

- Phòng Kế toán: Có nhiệm vụ ghi chép, tính toán dưới hình thức giá trị và hiện vật các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đảm bảo ghi chép kịp thời và đầy đủ đúng chế độ kế toán được Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty cho Giám đốc. Tham mưu cho Giám đốc các chế độ chính sách mới về thuế để kịp thời cập nhật và thực hiện.

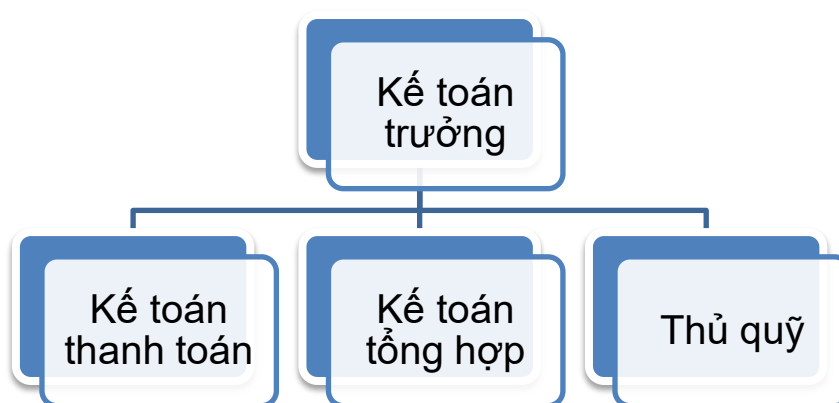
- Phòng Hành chính Nhân sự: Chịu trách nhiệm lên kế hoạch và thực hiện tuyển dụng nguồn nhân lực cho công ty, trợ giúp lãnh đạo trong việc đánh giá nhân sự, quan hệ lao động, phân công nhân sự...

2.1.6 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

2.1.6.1 Đặc điểm mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Bộ máy kế toán có ý nghĩa quan trọng trong quá trình thu thập, xử lý, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp. Giúp doanh nghiệp xem xét, kinh doanh các mặt hàng phù hợp. Nhờ đó, doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá, lựa chọn phương án đáng giá đầu tư sao cho có hiệu quả nhất.

Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty được thể hiện qua sơ đồ sau (Sơ đồ 2.2):



Sơ đồ 2.2: Mô hình Bộ máy kế toán của công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

- Kế toán trưởng: Người đứng đầu phòng tài chính kế toán, chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những thông tin của kế toán cung cấp, có trách nhiệm tổ chức, điều hành công tác kế toán trong công ty, đôn đốc, giám sát, hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra các công việc do nhân viên kế toán tiến hành.

- Kế toán thanh toán: Theo dõi các khoản công nợ giữa công ty với khách hàng. Lập báo cáo nhanh về các khoản công nợ để báo cáo lên kế toán trưởng và giám đốc.

- Kế toán tổng hợp: Tập hợp chi phí theo số liệu phát sinh ngày, tổ chức ghi chép, tổng hợp số liệu nhập xuất, các loại vốn, các quỹ của công ty để xác định lãi lỗ, lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế. Có chức năng giúp giám đốc phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên.

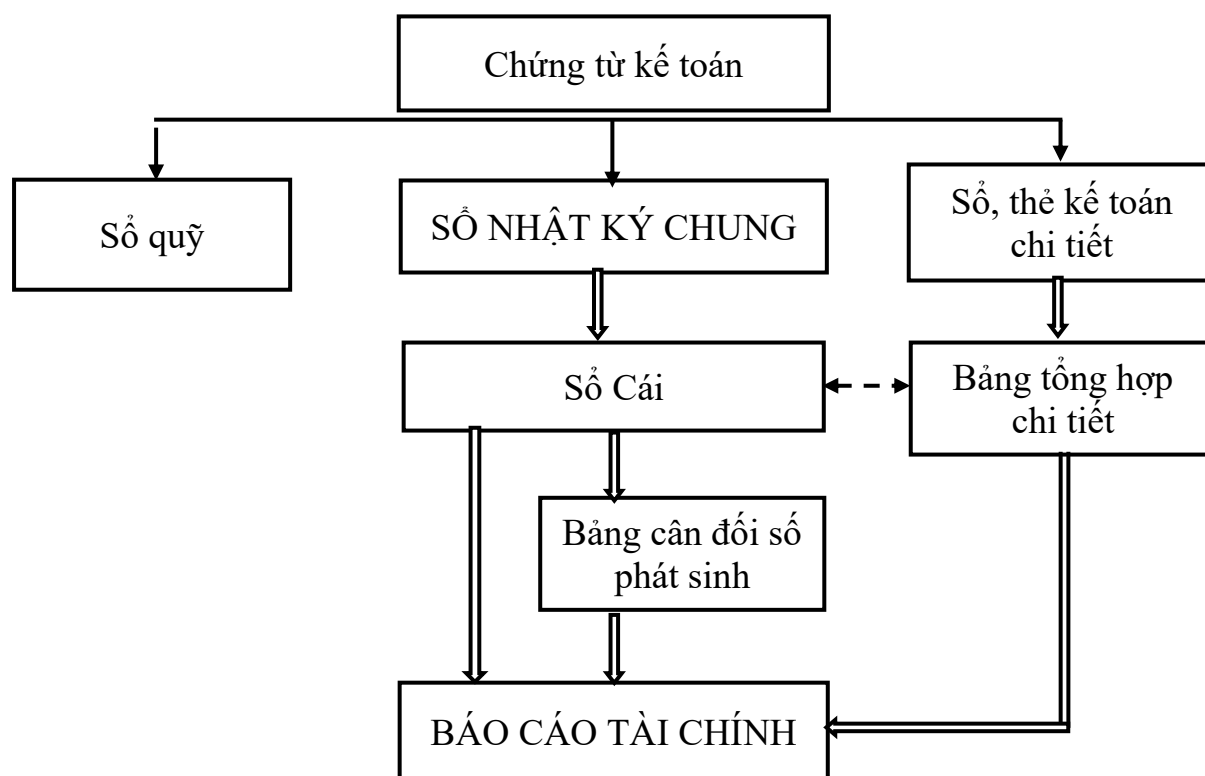
- Thủ quỹ: Là người chuyên giữ quỹ của công ty, được giao nhiệm vụ đề quản lý, theo dõi vấn đề thu, chi quỹ, để nhằm đảm bảo sự công khai, minh bạch trong việc sử dụng quỹ của cơ quan, đơn vị. Nhằm tránh sự lạm quyền, thiếu sự thống nhất trong quản lý quỹ.

2.1.6.2 Hình thức kế toán, chế độ kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại công ty

a) Hình thức kế toán tại công ty:

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

Trình tự kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH Nguyễn Đức Phát được thể hiện qua sơ đồ sau (Sơ đồ 2.3):



Chú thích:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi định kỳ
- ←- - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ kế toán theo hình thức nhật ký chung tại công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái
- Các sổ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung:

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.
- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.
- Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

b) Chế độ kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

- Chế độ kế toán áp dụng tại công ty theo thông tư 200/2014/TT-BTC.
- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 đến kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch.
- Phương pháp sử dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.
- Tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.
- Đơn vị tiền tệ: Công ty sử dụng tiền VNĐ.

2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

2.2.1. Đặc điểm về phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

Tại công ty TNHH Nguyễn Đức Phát áp dụng phương thức thanh toán trả ngay và chậm trả:

- Phương thức thanh toán trả ngay: Sau khi nhận được hàng mua, doanh nghiệp thanh toán tiền ngay cho người bán, có thể bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

- Phương thức thanh toán chậm trả: Doanh nghiệp đã nhận được hàng nhưng chưa thanh toán tiền cho người bán.

Đối với người mua:

- Với những khách hàng cá nhân mua hàng với số lượng ít và không phải là khách hàng thường xuyên của công ty, công ty sẽ áp dụng phương thức thanh toán ngay.

- Với những khách hàng thường xuyên, mua hàng với số lượng lớn, công ty có thể áp dụng phương pháp chậm trả.

Đối với người bán:

- Công ty thanh toán ngay cho những nhà cung cấp nhỏ lẻ.

- Đối với nhà cung cấp lâu năm, cung cấp số lượng hàng nhiều, công ty có thể trả ngay hoặc chậm trả tùy trường hợp cụ thể.

Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát áp dụng hai hình thức thanh toán bằng tiền mặt và chuyển khoản:

- Các khoản thanh toán với người mua: Doanh nghiệp có thể áp dụng hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng do thỏa thuận giữa hai bên.

- Các khoản thanh toán cho người bán: Giá trị từ 20 triệu đồng trở lên doanh nghiệp buộc phải chuyển khoản, dưới 20 triệu đồng, doanh nghiệp có thể chuyển khoản hoặc thanh toán bằng tiền mặt theo thỏa thuận.

2.2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua tại công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

2.2.2.1 Chứng từ sử dụng tại công ty

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Các chứng từ khác liên quan

2.2.2.2 Tài khoản sử dụng tại công ty

TK 131 Phải thu của khách hàng

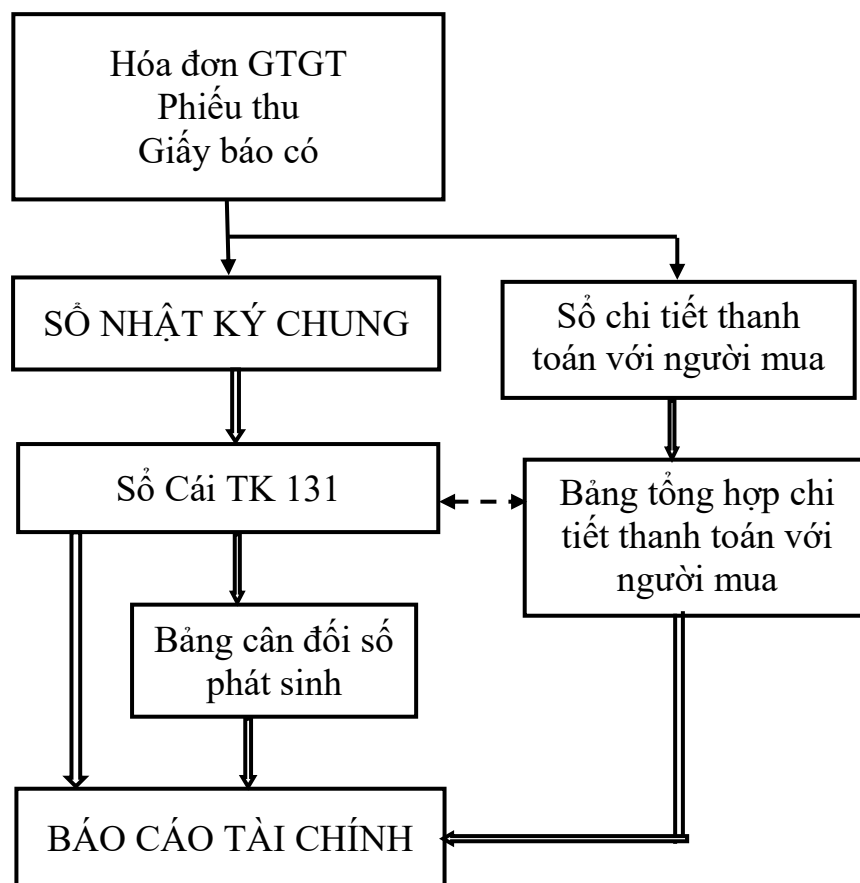
Tài khoản 131 dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu với khách hàng về tiền bán hàng hóa. Công ty còn sử dụng các tài khoản: TK111, 112, 333, 511

2.2.2.3 Sổ sách sử dụng tại công ty

- Nhật ký chung
- Sổ cái TK 131
- Sổ chi tiết thanh toán với người mua
- Bảng tổng hợp thanh toán với người mua

2.2.2.4 Quy trình kế toán thanh toán với người mua tại công ty

Trình tự kế toán thanh toán với người mua tại công ty TNHH Nguyễn Đức Phát được thể hiện qua sơ đồ sau (Sơ đồ 2.4):



Chú thích:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi định kỳ
- ←- - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.4: Quy trình kế toán thanh toán với người mua tại công ty

TNHH Nguyễn Đức Phát

Ví dụ 1: Ngày 12 tháng 09 năm 2019, bán thép phi 12 cho Công ty TNHH MTV Xây lắp cơ điện Thành Lâm số tiền 14.410.000đ(đã bao gồm VAT 10%), chưa thanh toán.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000561(biểu số 2.1), kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.3) đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131 – phải thu khách hàng mở cho Công ty TNHH MTV Xây lắp cơ điện Thành Lâm (biểu số 2.5). Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 131 (biểu số 2.4).

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết TK 131(biểu số 2.5)– phải thu của khách hàng mở cho Công ty TNHH MTV Xây lắp cơ điện Thành Lâm để lập bảng

tổng hợp nợ phải thu khách hàng (biểu số 2.6).

Ví dụ 2: Ngày 15 tháng 09 năm 2019, Công ty TNHH MTV Xây lắp cơ điện Thành Lâm thanh toán một phần công nợ bằng tiền mặt số tiền: 6.425.000đ

Căn cứ vào Phiếu thu số 284 (biểu số 2.2), kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.3) đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131 – phải thu khách hàng mở cho Công ty TNHH MTV Xây lắp cơ điện Thành Lâm (biểu số 2.5). Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 131 (biểu số 2.4).

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 – phải thu của khách hàng mở cho Công ty TNHH MTV Xây lắp cơ điện Thành Lâm để lập bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng (biểu số 2.6).

Biểu số 2.1: HÓA ĐƠN GTGT 0000561

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT3/003			
Liên 3: Nội bộ		Ký hiệu: AA/18P			
Ngày 12 tháng 09 năm 2019		Số: 0000561			
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH NGUYỄN ĐỨC PHÁT					
Mã số thuế: 0200576471					
Địa chỉ: Số 239 đường Hải Triều, tổ dân phố Hải Triều 1, phường Quán toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam					
Điện thoại: 0225.3850785					
Số tài khoản: 118000068710-Ngân hàng Vietinbank					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH MTV Xây lắp cơ điện Thành Lâm					
Mã số thuế: 0201110355					
Địa chỉ: Số 88 Đào Đô, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: Tiền mặtSố tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6= 4 x 5
01	Thép phi 12	Cây	120	108.000	12.960.000
Cộng tiền hàng:					12.960.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			1.296.000
Tổng cộng thanh toán:					14.256.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười bốn triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng/.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát)

Biểu số 2.2: Phiếu thu số 284

Đơn vị: Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát	Mẫu số: 01-TT			
Địa chỉ: Số 239 đường Hải Triều, tổ dân phố Hải Triều 1, P.Quán Toan, Q.Hồng Bàng, Hải Phòng	(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)			
PHIẾU THU				
Ngày 15 tháng 09 năm 2019				
	Quyển số:..... Số:284 Nợ: 1111 Có: 131			
Họ tên người nộp tiền: Phạm Văn Lâm				
Địa chỉ: Công ty TNHH MTV Xây lắp cơ điện Thành Lâm				
Lý do nộp: Thanh toán công nợ				
Số tiền:6.425.000đ				
(Viết bằng chữ: Sáu triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng)				
Kèm theo:..... Chứng từ gốc:.....				
Ngày 15 tháng 09 năm 2019				
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Sáu triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng.				
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):				
+ Số tiền quy đổi:				
(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)				

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát)

Biểu số 2.3: Trích sổ nhật ký chung

Đơn vị: CÔNG TY TNHH NGUYỄN ĐỨC PHÁT
 Địa chỉ: Số 239 đường Hải Triều, tổ dân phố Hải Triều 1,
 Phường Quán Toan, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
 (Ban hành theo Thông tư số
 200/2014/TT-BTC ngày
 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2019

Đơn vị tính: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...
12/09	HD561	12/09	Bán thép phi 12 cho Công ty TNHH MTV Xây lắp cơ điện Thành Lâm	131 5111 3331	14.256.000	12.960.000 1.296.000
...
13/09	BN2053	13/09	Trả tiền lãi ngân hàng ACB	635 1121	4.602.740	4.602.740
...
15/09	PT284	15/09	Công ty TNHH MTV Xây lắp cơ điện Thành Lâm thanh toán một phần công nợ	1111 131	6.425.000	6.425.000
16/09	PC129	16/09	Thanh toán tiền lớp ô tô	242 1331 1111	9.300.000 930.000	10.230.000
...
17/09	HD589	17/09	Bán thép phi 18 cho Công ty TNHH thương mại và sản xuất Nguyễn Thành	131 5111 3331	297.660.000	270.600.000 27.060.000
17/09	BN2064	17/09	Trả tiền lãi ngân hàng Vietinbank	635 1121	3.600.000	3.600.000
...
20/09	BC1513	20/09	Công ty TNHH thương mại và sản xuất Nguyễn Thành thanh toán một phần công nợ	1121 131	388.000.000	388.000.000
...
Tổng cộng phát sinh					4.308.378.782.499	4.308.378.782.499

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát)

Biểu số 2.4: Trích sổ cái TK 131

Đơn vị: CÔNG TY TNHH NGUYỄN ĐỨC PHÁT

Địa chỉ: Số 239 đường Hải Triều, tổ dân phố Hải Triều 1, Phường Quán Toan, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Năm 2019

Tên tài khoản: Phải thu của khách hàng

Số hiệu: 131

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...
			Số dư đầu quý III/2019		15.534.672.455	
...
12/09	HĐ561	12/09	Bán thép phi 12 cho Công ty TNHH MTV Xây lắp cơ điện Thành Lâm	5111 3331	12.960.000 1.296.000	
...
14/09	HĐ573	14/09	Bán thép phi 6 cho Công ty CP vật tư thiết bị Hoàng Kim	5111 3331	29.681.800 2.968.180	
...
15/09	PT284	15/09	Công ty TNHH MTV Xây lắp cơ điện Thành Lâm thanh toán một phần công nợ	1111		6.425.000
...
16/09	PT289	16/09	Công ty CP vật tư thiết bị Hoàng Kim thanh toán công nợ	1121		30.000.000
...
17/09	HĐ589	17/09	Bán thép phi 18 cho Công ty TNHH thương mại và sản xuất Nguyễn Thành	5111 3331	270.600.000 27.060.000	
...
20/09	BC1513	20/09	Công ty TNHH thương mại và sản xuất Nguyễn Thành trả tiền mua hàng	1121		388.000.000
...
			Cộng phát sinh		110.361.201.761	115.556.081.612
			Số dư cuối quý III/2019		10.339.792.604	
...

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát)

Biểu số 2.5: Trích sổ chi tiết thanh toán với người mua

Đơn vị: CÔNG TY TNHH NGUYỄN ĐỨC PHÁT

Địa chỉ: Số 239 đường Hải Triều, tổ dân phố Hải Triều 1, Phường Quán Toan, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S31-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA
TK 131: Phải thu khách hàng
Đối tượng: Công ty TNHH MTV Xây lắp cơ điện Thành Lâm
Năm 2019

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
...
			Số dư đầu quý III/2019				15.250.000	
...
12/09	HD561	12/09	Bán sắt thép cho Công ty TNHH MTV Xây lắp cơ điện Thành Lâm	5111 3331	12.960.000 1.296.000		19.310.000 20.606.000	
...
15/09	PT284	15/09	Công ty TNHH MTV Xây lắp cơ điện Thành Lâm thanh toán một phần công nợ	1111		6.425.000	11.708.000	
...
			Cộng phát sinh		47.512.000	25.512.000		
			Số dư cuối quý III/2019				37.250.000	
...

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát)

Biểu số 2.6 Trích bảng tổng hợp thanh toán với người mua

Đơn vị: CÔNG TY TNHH NGUYỄN ĐỨC PHÁT

Địa chỉ: Số 239 đường Hải Triều, tổ dân phố Hải Triều 1, Phường Quán Toan, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

TK 131: Phải thu khách hàng

Quý III/2019

STT	Tên khách hàng	Dư đầu		Phát sinh		Dư cuối	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty CP 105 xây dựng số 1 Hà Nội		165,039,000	165,039,000			
2	Công ty TNHH thương mại và sản xuất Nguyễn Thành	256.980.723		9.509.641.827	8.857.781.318	908.842.232	
3	Công ty TNHH MTV Xây lắp cơ điện Thành Lâm	15.250.000		47.512.000	25.512.000	37.250.000	
4	Cty TNHH TMXD và VT Thành Nguyên	342.552.077		2.949.794.705	2.762.943.310	529.403.472	

	Tổng cộng	22.226.462.735	6.691.790.280	110.361.201.761	115.556.081.612	19.034.588.905	8.694.796.301

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 09 năm 2019
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát)

2.2.3. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người bán tại công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

2.2.3.1 Chứng từ sử dụng tại công ty

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác liên quan

2.2.3.2 Tài khoản sử dụng tại công ty

TK 331 Phải trả người bán

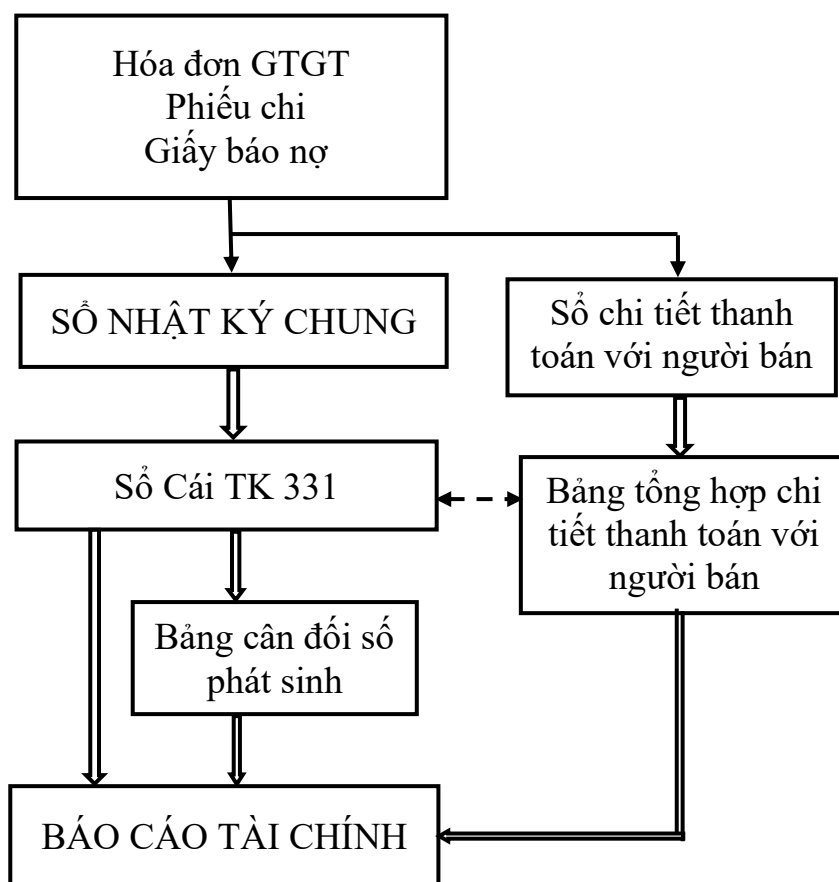
Tài khoản 331 được mở để theo dõi các khoản nợ phải trả người bán có phát sinh tăng trong kỳ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp. Công ty còn sử dụng các tài khoản: TK 156, 133

2.2.3.3 Sổ sách sử dụng tại công ty

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ chi tiết phải trả người bán
- Sổ tổng hợp chi tiết phải trả người bán
- Sổ cái tài khoản 331

2.2.3.4 Quy trình kế toán thanh toán với người bán tại công ty

Trình tự kế toán thanh toán với người bán tại công ty TNHH Nguyễn Đức Phát được thể hiện qua sơ đồ sau (Sơ đồ 2.5):



Chú thích:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi định kỳ
- ←- - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.5 : Quy trình kế toán thanh toán với người bán tại công ty

TNHH Nguyễn Đức Phát

Ví dụ 1: Ngày 12 tháng 09 năm 2019, Công ty mua hàng hóa Chi nhánh Công ty TNHH thép Hòa Phát, giá mua chưa thuế VAT 10% : 247.800.000đ (chưa thanh toán).

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0005305 (biểu số 2.7), kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.10 đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 331 – phải trả người bán mở cho Công ty TNHH thép Hòa Phát (Biểu số 2.12). Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331 (biểu số 2.11).

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết TK 331 – phải trả người bán mở cho Công ty TNHH thép Hòa Phát để lập bảng tổng hợp phải trả người bán (biểu số 2.13).

Ví dụ 2: Ngày 13 tháng 09 năm 2019, Trả tiền hàng cho Chi nhánh Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát số tiền: 562.000.000đ bằng chuyển khoản.

Căn cứ vào GBN 2056 (biểu số 2.9), kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.10) đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 331 – phải trả cho người bán cho CN Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát (biểu số 2.12. Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331 (biểu số 2.11).

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết TK 331 – phải trả người bán mở cho Chi nhánh Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát để lập bảng tổng hợp nợ phải trả người bán (biểu số 2.13).


Biểu số2.7: HÓA ĐƠN GTGT 0005305

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT3/003			
Liên 2: Giao cho người mua		Ký hiệu: AA/18P			
Ngày 12 tháng 09 năm 2019		Số: 0005305			
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH thép Hòa Phát					
Mã số thuế: 0100598873-001					
Địa chỉ: Khu CN Như Quỳnh, Thị trấn Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Hưng Yên					
Điện thoại: Số tài khoản:					
Đơn vị mua hàng: CÔNG TY TNHH NGUYỄN ĐỨC PHÁT					
Mã số thuế: 0200576471					
Địa chỉ: Số 239 đường Hải Triều, tổ dân phố Hải Triều 1, phường Quán toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam					
Điện thoại: 0225.3850785					
Số tài khoản: 118000068710-Ngân hàng Vietinbank					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6= 4 x 5
01	Thép phi 10	Cây	1.000	69.000	69.000.000
02	Thép phi 14	Cây	1.200	149.000	178.800.000
Cộng tiền hàng:					247.800.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			24.780.000
Tổng cộng thanh toán:					272.580.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm bảy mươi hai triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng/.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát)


Sinh viên : Phạm Thị Minh Châu - QT2001K

Biểu số 2.8: Ủy nhiệm chi

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam			
Ủy nhiệm chi Payment order			
		Ngày Date: 13/09/2019	
Ký hiệu invoice sign	Số HD Invoice No	Mẫu số 01GTKT2/00	Liên 2. Giao khách hàng Copy 2, Customer's copy
Người/Đơn vị trả tiền Applicant Name: Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát			
Số TK ghi Nợ Debit Account No: 118000068710			
Tại Ngân hàng With bank: Vietinbank			
Người/Đơn vị hưởng Beneficiary Name: CN Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát			
Số TK ghi Có Credit Account No: 116000015254			
Tại Ngân hàng With bank: Vietin bank			
Số tiền bằng số Amount in figures: 562.000.000 VND			
Số tiền bằng chữ Amount in words: Năm trăm sáu mươi hai triệu đồng.			
Phí ngân hàng Fee:		<input type="checkbox"/> Phí trong Including	<input type="checkbox"/> Phí ngoài Excluding
Nội dung Remarks: Thanh toán công nợ			
Kế toán trưởng Chief accountant	Chủ tài khoản A/c holder	Giao dịch viên Teller	Kiểm Soát Viên Supervisor

(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát)

Biểu số 2.9: Giấy báo nợ số 2056

Ngân hàng Thương mại cổ phần công Thương Việt Nam	
GIẤY BÁO NỢ	
Số2056	
Ngày 13/09/2019	
Tên người chuyển: Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát	
Số tài khoản: 118000068710	
Ngân hàng: Vietinbank	
Người thụ hưởng: CN Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	
Số tài khoản: 116000015254	
Số tiền bằng số : 562.000.000	Loại tiền: VND
Số tiền bằng chữ : Năm trăm sáu mươi hai triệu đồng.	
Nội dung: Thanh toán công nợ	
Người thực hiện: hoaptk02	
Giao dịch viên	Kiểm soát viên

(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát)

Biểu số 2.10: Trích sổ nhật ký chung

Đơn vị: CÔNG TY TNHH NGUYỄN ĐỨC PHÁT
Địa chỉ: Số 239 đường Hải Triều, tổ dân phố Hải Triều 1,
Phường Quán Toan, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2019

Đơn vị tính: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...
12/09	HĐ5305	12/09	Mua hàng hóa CN Công ty TNHH thép Hòa Phát	1561	247.800.000	
				1331	24.780.000	
				331		272.580.000
...
13/09	BN2053	13/09	Trả tiền lãi ngân hàng ACB	635	4.602.740	
				1121		4.602.740
13/09	BN2056	13/09	Thanh toán công nợ cho CN Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	331	562.000.000	
				11212		562.000.000
...
16/09	PC129	16/09	Thanh toán tiền lớp ô tô	242	9.300.000	
				1331	930.000	
				1111		10.230.000
...
17/09	BN2064	17/09	Trả tiền lãi ngân hàng Vietinbank	635	3.600.000	
				1121		3.600.000
...
26/09	HĐ5580	26/09	Mua hàng hóa Công ty TNHH công nghiệp Chính Đại số tiền	1561	264.844.000	
				1331	26.484.400	
				331		291.328.400
...
27/09	BN2097	27/09	Trả tiền mua hàng của Công ty TNHH công nghiệp Chính Đại	331	579.000.000	
				1121		579.000.000
...
Tổng cộng phát sinh					4.308.378.782.499	4.308.378.782.499

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát)

Biểu số 2.11: Trích sổ cái TK 331

Đơn vị: CÔNG TY TNHH NGUYỄN ĐỨC PHÁT

Địa chỉ: Số 239 đường Hải Triều, tổ dân phố Hải Triều 1, Phường Quán Toan, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Năm 2019

Tên tài khoản: Phải trả người bán

Số hiệu: 331

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...
			Số dư đầu quý III/2019			12.785.560.200
...
12/09	HĐ5305	12/09	Mua hàng hóa CN Công ty TNHH thép Hòa Phát	1561		247.800.000
				1331		24.780.000
...
13/09	BN2056	13/09	Thanh toán công nợ cho CN Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	1121	562.000.000	
...
20/09	BN2072	20/09	Trả tiền mua hàng của Cty CP VT& vật tư CN Việt Hàn	1121	600.000.000	
...
25/09	BN2092	25/09	Trả tiền mua hàng của Công ty cổ phần thép Minh Phú - Hải Dương	1121	607.000.000	
...
26/09	HĐ5580	26/09	Mua hàng hóa Công ty TNHH công nghiệp Chính Đại	1561		264.844.000
				1331		26.484.400
...
27/09	BN2097	27/09	Trả tiền mua hàng của Công ty TNHH công nghiệp Chính Đại	1121	579.000.000	
...
			Cộng phát sinh		149.531.000.000	144.407.890.300
			Số dư cuối quý III/2019			7.662.450.500
...

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát)

Biểu số 2.12 Trích sổ chi tiết thanh toán với người bán

Đơn vị: CÔNG TY TNHH NGUYỄN ĐỨC PHÁT
 Địa chỉ: Số 239 đường Hải Triều, tổ dân phố Hải Triều 1, Phường Quán Toan, Quận Hồng
 Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S31-DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

TK 331: Phải trả người bán

Đối tượng: CN Công ty TNHH thép Hòa Phát

Năm 2019 Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
...
			Số dư đầu quý III/2019					1.247.265.000
...
12/09	HĐ5305	12/09	Mua hàng hóa CN Công ty TNHH thép Hòa Phát	1561		247.800.000		1.136.785.000
				1331		24.780.000		1.161.565.000
13/09	BN2056	13/09	Thanh toán công nợ cho CN Công ty TNHH Ông thép Hòa Phát	11212	562.000.000			599.565.000
...
			Cộng phát sinh		7.247.537.000	7.315.750.000		
			Số dư cuối quý III/2019					1.315.478.000
...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát)

Biểu số 2.13: Trích bảng tổng hợp thanh toán với người bán

Đơn vị: CÔNG TY TNHH NGUYỄN ĐỨC PHÁT

Địa chỉ: Số 239 đường Hải Triều, tổ dân phố Hải Triều 1, Phường Quán Toan, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

TK 331: Phải trả người bán

Quý III/2019

STT		Dư đầu		Phát sinh		Dư cuối	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty TNHH công nghiệp Chính Đại		2.018.948.000	21.520.300.000	21.453.556.000		1.952.204.000
2	Công ty TNHH TM Hùng Nguyên		86.182.000	3.337.325.000	3.742.840.500		491.697.500
3	CN Công ty TNHH thép Hòa Phát		1.247.265.000	7.247.537.000	7.315.750.000		1.315.478.000
4	Công ty TNHH thép Xuân Nam		1.538.833.000	4.753.850.000	3.931.239.500		716.223.000

	Tổng cộng	-	12.785.560.200	149.531.000.000	144.407.890.300	-	7.662.450.500

Ngày 30 tháng 09 năm 2019

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát)

CHƯƠNG 3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH NGUYỄN ĐỨC PHÁT

3.1. Đánh giá về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Nguyễn Đức Phát.

Kế toán thanh toán với người mua và người bán của công ty TNHH Nguyễn Đức Phát có những ưu điểm và tồn tại nhược điểm. Nhiệm vụ của kế toán thanh toán là phải tìm cách phát huy những điểm mạnh và hạn chế và khắc phục những điểm yếu để công tác kế toán ngày càng hiệu quả hơn.

3.1.1. Ưu điểm

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán:

Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung, mọi công việc kế toán đều tập trung tại phòng kế toán của doanh nghiệp, thuận lợi cho việc quản lý, giám sát, theo dõi tình hình, tránh tình trạng thất lạc các chứng từ cũng như sai sót trong quá trình công tác kế toán.

Thông tin do bộ phận kế toán cung cấp đầy đủ, chính xác kịp thời nên tạo thuận lợi cho việc kiểm tra đối chiếu số liệu với các bộ phận có liên quan một cách chính xác. Giúp cho việc lập báo cáo tài chính được thuận lợi, cũng như công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

❖ Về hình thức kế toán:

Công ty áp dụng theo hình thức sổ “Nhật ký chung”, đây là hình thức kế toán đơn giản, phổ biến, phù hợp với hoạt động kinh doanh diễn ra tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh rõ ràng trên sổ Nhật ký chung, các sổ cái và sổ chi tiết theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên và đầy đủ.

❖ Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý:

Công ty đã tổ chức bộ máy gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời nhanh chóng cho các cấp quản lý.

Đội ngũ cán bộ công nhân viên năng động, ham học hỏi, có trình độ và bộ máy lãnh đạo có năng lực, luôn quan tâm đến cán bộ nhân viên trong công ty.

Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kế toán phát sinh.

Về tổ chức hệ thống sổ kế toán, hệ thống chứng từ và báo cáo tài chính:

Công ty mở các loại sổ sách theo hình thức Nhật ký chung (Sổ nhật ký chung, Sổ cái, Sổ chi tiết...). Việc áp dụng hình thức nhật ký chung giúp công ty đơn giản hóa được công việc kế toán, từ mẫu sổ sách đến cách thức vào sổ, thuận tiện phân công công việc, theo dõi, kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các loại sổ sách.

Công ty sử dụng những tài khoản trong hệ thống tài khoản ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC. Công ty luôn cập nhật những thay đổi trong chế độ kế toán theo quy định của Nhà nước.

Về báo cáo tài chính: Các báo cáo tài chính được lập theo đúng mẫu biểu quy định và đảm bảo tính chính xác, kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý kinh tế tài chính của công ty.

❖ Công tác kế toán thanh toán và thu hồi công nợ:

Công tác thanh toán nợ của công ty được đánh giá chung là tốt. Công ty mở sổ chi tiết để theo dõi cho từng đối tượng người mua và người bán. Giúp cho nhà quản lý có được những thông tin chính xác về tình hình công nợ của công ty để thu xếp thanh toán, chi trả đúng hạn và kịp thời cũng như thu hồi các khoản nợ phải thu tương đối kịp thời.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì công tác kế toán thanh toán tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát còn bộc lộ những hạn chế sau:

Thứ nhất, Đối với các khoản nợ thì công ty chưa có biện pháp để thu hồi nợ hiệu quả và công tác đối chiếu công nợ để thu hồi vốn chưa được diễn ra thường xuyên.

Thứ hai, Công tác kế toán tại đơn vị vẫn được thực hiện một cách thủ

công, tiến hành bằng tay mặc dù có sự hỗ trợ của Excel nhưng việc phân tích nghiệp vụ kinh tế phát sinh, luân chuyển chứng từ còn chậm, dễ gặp phải những sai sót, giảm hiệu quả của công việc.

Thứ ba, Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi mặc dù thực tế có phát sinh, thậm chí có cả khoản nợ được xác định là không đòi được. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến tài chính của doanh nghiệp nếu như những khoản nợ này không thể thu hồi được trong tương lai.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH NỢ PHẢI THU ĐẾN HẠN VÀ QUÁ HẠN

THANH TOÁN

Đến ngày 31/12/2019

STT	Tên khách hàng	Dư nợ đến 31/12/2019	Chưa đến hạn thanh toán	Đến hạn thanh toán	Nợ quá hạn	
					Số tiền	Thời gian
1	Công ty TNHH Thương Mại An Thắng	150.000.000	150.000.000			
2	Công ty CP thương mại Cường Đạt	223.182.000			137.182.000	1 năm 1 tháng
3	Công ty TNHH Gốm Đá Bạc	120.000.000			120.000.000	1 năm 3 tháng
4	Công ty CP Thanh Thủy	323.565.000	103.565.000		220.000.000	6 tháng 5 ngày
5	Công ty TNHH MTV Xây lắp cơ điện Thành Lâm	35.942.000		35.942.000		
...	
	Tổng cộng	4.361.435.000	1.625.680.000	1.597.400.000	1.138.355.000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn Số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát)

Thứ tư, Về công tác thanh toán cho người bán.

Công ty có nhiều hoạt động mua bán với những công ty khác, cũng chính vì thế nên có nhiều khoản thanh toán với người bán chưa trả đúng hạn, chậm trả.

Do công ty chưa thu hồi kịp các khoản nợ, dẫn đến việc chậm trả làm giảm uy tín của công ty với các đối tác.

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

Hiện nay nền kinh tế nước nhà ngày một phát triển, mở ra vô vàn cơ hội cho mỗi doanh nghiệp. Bên cạnh cơ hội đó là nhiều thử thách, khó khăn nên mỗi doanh nghiệp phải cố gắng vượt qua thử thách để một ngày lớn mạnh hơn. Đóng phần quan trọng trong công ty là bộ phận kế toán. Phòng kế toán luôn cố gắng hết mình để hoàn thiện bộ máy kế toán góp phần phát triển công ty, đặc biệt là công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại doanh nghiệp.

Trước những cơ hội và thách thức trên, Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát luôn hoàn thiện các công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán nói riêng.

3.2.2. Nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán phải đảm bảo cung cấp thông tin kế toán kịp thời và chính xác. Điều này rất quan trọng và ảnh hưởng trực tiếp đến công ty. Đây là điều quan trọng mấu chốt trong công tác quản lý nội bộ trong công ty, cũng như ảnh hưởng đến đối tượng bên ngoài có ảnh hưởng trực tiếp với công ty như ngân hàng, nhà đầu tư.

Việc cung cấp thông tin kế toán phải luôn đảm bảo tính kịp thời và tính chính xác cao.

Công ty luôn chấp hành nghiêm chỉnh các nguyên tắc, chế độ kế toán mà Bộ Tài chính ban hành. Đây là chuẩn mực pháp lý để đối chiếu và chỉ đạo của cán bộ phòng kế toán. Các thông tin kế toán được lập dựa trên các quy định của nhà nước giúp việc thu thập thông tin kế toán chính xác cho việc đánh giá hoạt động tài chính của công ty.

3.2.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát

Trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát ngoài những mặt tích cực thì về tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán còn có những mặt hạn chế như đã trình bày ở trên. Vì vậy, em xin đưa ra một số kiến nghị để phần nào đó hoàn thiện hơn công tác kế toán thanh toán tại công ty như sau:

3.2.3.1 Công ty nên đẩy mạnh các giải pháp thu hồi công nợ

Để đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ có nhiều giải pháp như:

❖ Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán

Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho các khách hàng thanh toán sớm, thanh toán trước hạn.

Chiết khấu thanh toán: là một biện pháp thúc đẩy việc thu hồi vốn cũng như nâng cao hiệu quả kinh doanh. Để thúc đẩy quá trình thu hồi nợ thì cùng với những biện pháp trên công ty nên áp dụng hạch toán chiết khấu thanh toán cho các khách hàng thanh toán nhanh, thanh toán trước hạn. Sẽ giúp thúc đẩy quá trình thu hồi vốn nhanh hơn.

Cơ sở xây dựng mức chiết khấu thanh toán: Công ty có thể tham khảo lãi suất huy động và lãi suất cho vay của ngân hàng, mức chiết khấu thanh toán của doanh nghiệp cùng loại... để quy định mức chiết khấu thanh toán cho phù hợp.

Giả sử lãi suất tiền gửi kì hạn từ 1 đến dưới 3 tháng tại ngân hàng Viettinbank là 4,3%/năm, lãi suất cho vay ngắn hạn là 9,5%/năm. Công ty có thể có những khoản chiết khấu cho khách hàng như sau:

- Chiết khấu 0,5%/ tháng đối với khách hàng thanh toán trước dưới 15 ngày.
- Chiết khấu 0,6%/ tháng đối với khách hàng thanh toán trước từ 16 đến 30 ngày.
- Chiết khấu 0,7%/ tháng đối với khách hàng thanh toán trước 30 ngày.

Phương pháp hạch toán:

Số chiết khấu thanh toán phải trả cho khách hàng do khách hàng thanh toán tiền nhanh và trước thời hạn quy định ghi:

Nợ TK 635: Số tiền chiết khấu thanh toán cho khách

Có TK 131, 111, 112

Việc công ty áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán sẽ giúp khuyến khích được các khách hàng hợp tác tích cực trong việc thanh toán nợ. Hạn chế việc khách hàng kéo dài thời gian, khất lần việc thanh toán, gây ảnh hưởng đến nguồn vốn và tình hình tài chính của doanh nghiệp.

❖ Công ty nên mở sổ chi tiết công nợ và lập báo cáo chi tiết công nợ theo “tháng”.

Để có cơ sở số liệu kịp thời giúp cán bộ công nợ cũng như các nhà quản lý trong công ty nắm bắt kịp thời số lượng khách nợ, số tiền nợ của từng khách nợ phải thu, công ty nên chuyển kỳ báo cáo công nợ theo “quý” sang báo cáo công nợ theo “tháng” để thúc đẩy thu hồi nợ kịp thời.

3.2.3.2 Công ty nên trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Công ty nên thực hiện việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi để tránh rủi ro.

Căn cứ để lập trích lập dự phòng là thông tư số 48/2019/TT-BTC

Điều kiện, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:
 - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, DN tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

Nguyên tắc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:

- Khi lập Báo cáo tài chính: Doanh nghiệp xác định các khoản nợ phải thu khó đòi và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự có khả năng không đòi được để trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Doanh nghiệp trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi:

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên;

- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn;

Điều kiện, căn cứ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:

- Phải có chứng từ gốc hoặc giấy xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ chưa trả bao gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ...

- Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi thực hiện theo quy định hiện hành.

- Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Trường hợp khoản dự phòng phải thu khó đòi phải lập ở cuối kỳ kế toán này lớn hơn số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi đang ghi trên sổ kế toán thì số chênh lệch lớn hơn được ghi tăng dự phòng và ghi tăng chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Trường hợp khoản dự phòng phải thu khó đòi phải lập ở cuối kỳ kế toán này nhỏ hơn số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi đang ghi trên sổ kế toán thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập ghi giảm dự phòng và ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm, doanh nghiệp đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì doanh nghiệp có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán. Việc xóa các khoản nợ phải thu khó đòi phải thực hiện theo quy định của pháp luật và điều lệ doanh nghiệp. Số nợ này được theo dõi trong hệ thống quản trị của doanh nghiệp và trình bày trong thuyết minh BCTC. Nếu sau khi đã xóa nợ, doanh nghiệp lại đòi được nợ đã xử lý thì số nợ thu được sẽ hạch toán vào tài khoản 711 "Thu nhập khác".

Phương pháp kế toán dự phòng phải thu khó đòi:

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 229: Dự phòng tổn thất tài sản

Kết cấu tài khoản 229:

- Bên nợ:

Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích kỳ trước chưa sử dụng hết.

Bù đắp giá trị khoản đầu tư vào đơn vị khác khi có quyết định dùng số dự phòng đã đập để bù đắp số tổn thất xảy ra.

Bù đắp giá trị đã được lập dự phòng của khoản nợ không thể thu hồi được phải xóa sổ.

- Bên có:

Trích lập các khoản dự phòng tổn thất tài sản tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Số dư bên có: Số dư phòng tổn thất tài sản hiện có cuối kỳ.

Theo Khoản 3 Điều 45 TT200/2014/TT-BTC Phương pháp kế toán dự phòng phải thu khó đòi như sau:

- Khi lập Báo cáo tài chính, căn cứ các khoản nợ phải thu được phân loại là nợ phải thu khó đòi, nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293).

- Khi lập Báo cáo tài chính, căn cứ các khoản nợ phải thu được phân loại là nợ phải thu khó đòi, nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, kế toán hoàn nhập phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293)

Có TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định là không thể thu hồi được, kế toán thực hiện xoá nợ theo quy định của pháp luật hiện hành. Căn cứ vào quyết định xoá nợ, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 331, 334...(phần tổ chức cá nhân phải bồi thường)

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293)(phần đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (phần được tính vào chi phí)

Có các TK 131, 138, 128, 244...

- Đối với những khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xoá nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ các TK 111, 112,....

Có TK 711 - Thu nhập khác.

- Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn được bán theo giá thoả thuận, tùy từng trường hợp thực tế, kế toán ghi nhận như sau:

Trường hợp khoản phải thu quá hạn chưa lập dự phòng phải thu khó đòi, ghi:

Nợ các TK 111, 112 (theo giá bán thỏa thuận)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (số tổn thất từ việc bán nợ)

Có các TK 131, 138,128, 244...

Trường hợp khoản phải thu quá hạn đã lập dự phòng phải thu khó đòi nhưng số đã lập dự phòng không đủ bù đắp tổn thất khi bán nợ thì số tổn thất còn lại được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp, ghi:

Nợ các TK 111, 112 (theo giá bán thỏa thuận)

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293) (số đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (số tổn thất từ việc bán nợ)

Có các TK 131, 138,128, 244...

- Kế toán xử lý các khoản dự phòng phải thu khó đòi trước khi doanh nghiệp Nhà nước chuyển thành công ty cổ phần: Khoản dự phòng phải thu khó đòi sau khi bù đắp tổn thất, nếu được hạch toán tăng vốn Nhà nước, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293)

Có TK 411 - Vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Căn cứ trên số liệu nợ phải thu khó đòi ta có thể lập bảng trích lập dự phòng của Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát đến hết ngày 31/12/2019:

BẢNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát****Ngày 31/12/2019**

STT	Tên khách hàng	Số tiền nợ quá hạn	Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích	Số tiền trích
1	Công ty CP thương mại Cường Đạt	137.182.000	1 năm 1 tháng	50%	68.591.000
2	Công ty TNHH Gốm Đá Bạc	120.000.000	1 năm 3 tháng	50%	60.000.000
3	Công ty CP Thanh Thủy	220.000.000	6 tháng 5 ngày	30%	66.000.000
...
	Tổng cộng	1.138.355.000	X	x	456.200.000

*Ngày 31 tháng 12 năm 2019***Người lập biểu**

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Tổng tiền phải trích lập dự phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 456.200.000 đồng.

Căn cứ vào số liệu trên kế toán ghi:

Nợ TK 642: 456.200.000

Có TK 229: 456.200.000

3.2.3.3 Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán

Phần mềm kế toán được nghiên cứu và phát triển bởi những người thành thạo IT bên cạnh đó là sự tư vấn của những người làm kế toán nên giữ được tổ chức khoa học chặt chẽ và ít hạn chế như Excel. Phần mềm kế toán có rất nhiều ưu điểm và cũng dễ sử dụng:

- Quy trình nhập dữ liệu trên phần mềm kế toán đơn giản và nhanh chóng hơn khi ghi chép thủ công, giúp bạn tiết kiệm rất nhiều thời gian làm việc.
- Phần mềm có tính năng tự động hóa, thay thế những thao tác tính toán thông thường, giúp hạn chế tối đa lỗi khi tính toán.
- Phần mềm kế toán có khả năng thống kê, xây dựng báo cáo theo yêu cầu của doanh nghiệp trong thời gian nhanh nhất. Ngoài ra, phần mềm còn có chức năng truy xuất tự động các báo cáo, sổ sách, tờ khai thuế, giúp nhân viên kế toán giảm nhiều thao tác cũng như công sức nếu lập các báo cáo, sổ sách này theo phương pháp thủ công. Hơn nữa, các báo cáo trên phần mềm có thể xuất ra các file excel, word hoặc các định dạng khác thuận tiện cho việc in ấn.
- Khi sử dụng phần mềm kế toán, nhà quản lý sẽ luôn nắm được đầy đủ thông tin tài chính của doanh nghiệp khi cần thiết, từ đó hỗ trợ nhà quản lý ra quyết định nhanh chóng, hiệu quả. Bên cạnh đó, doanh nghiệp còn có thể tăng năng suất làm việc của bộ phận kế toán, từ đó tiết kiệm được chi phí nhân lực cũng như các loại chi phí khác.

Phần mềm kế toán MISA

Phần mềm kế toán Misa là phần mềm kế toán dành cho mọi doanh nghiệp, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: hợp đồng, ngân sách, quỹ, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, quản lý hóa đơn, kho, công cụ dụng cụ, tài sản cố định, tiền lương, thuế, giá thành. Phần mềm kế toán Misa phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: xây lắp, sản xuất, dịch vụ, thương mại.

- Ưu điểm:

Phần mềm kế toán Misa có ưu điểm là dễ sử dụng bởi giao diện trực quan và thân thiện với người dùng, những người mới bắt đầu sử dụng phần mềm sẽ thoải mái, không nhức mắt, cho phép cập nhật dữ liệu như nhiều hóa đơn một phiếu chi một cách linh hoạt, các mẫu giấy tờ chứng từ tuân theo quy định ban hành.

Số liệu tính toán trong phần mềm Misa cực kỳ chính xác, khả năng xảy ra sai sót bất thường do lỗi ở phần mềm là rất hiếm. Điều này giúp những người làm kế toán an tâm với các phương thức kế toán khác.

Phần mềm cho phép tạo nhiều cơ sở dữ liệu - mỗi đơn vị được thao tác trên một cơ sở dữ liệu khác nhau, độc lập. Khả năng thao tác lưu, ghi sổ dữ liệu tốt.

Công nghệ bảo mật dữ liệu rất cao, gần như an toàn vì phần mềm Misa chạy trên cơ thể sở dữ liệu SLQ, doanh nghiệp sẽ ít đau đầu về vấn đề này như phần mềm kế toán chạy trên nền tảng khác.

- Nhược điểm:

Khi có sai sót trong lúc nhập dữ liệu, sửa xong thì phải tắt đi mở lại mới chạy được.

Hệ thống báo cáo của Misa khó kiểm tra.

Vì có SQL nên máy tính cài đặt Misa quá yếu sẽ chạy ì ạch.

Phần hệ lương không xử lý được hoa hồng của bộ phận bán hàng trực tiếp trên phần mềm.

Muốn hạch toán được giá thành trên phần mềm cần am hiểu rõ phần mềm.

Giao diện làm việc của phần mềm kế toán Misa:



Phần mềm kế toán Fast

Là giải pháp cho các loại hình doanh nghiệp có quy mô từ nhỏ đến lớn điển hình là các doanh nghiệp lớn phải cần báo cáo về việc quản lý, hay các doanh nghiệp xây dựng.

- Ưu điểm:

Đễ dàng truy xuất thông tin.

Cho phép kết xuất ra Excel.

Tốc độ xử lý tương đối tốt.

Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ Kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống Misa, Fast có hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình.

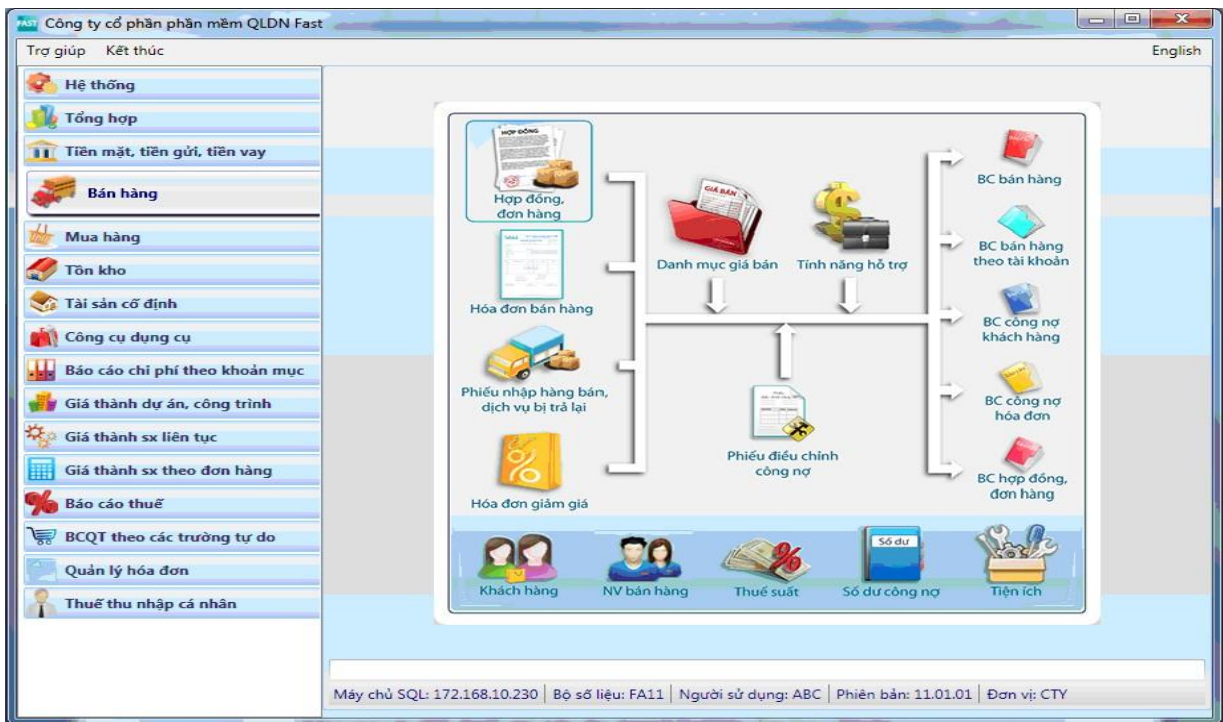
Không cần cài đặt các phần mềm trên máy chủ hay phần mềm hỗ trợ khác.

- Nhược điểm:

Độ bảo mật chưa được ấn tượng, dung lượng lớn.

Không có các hướng dẫn đính kèm chi tiết.

Giao diện làm việc của phần mềm kế toán Fast:



Phần mềm kế toán SIMBA

- Ưu điểm:

Cài đặt và đăng nhập dễ dàng, nhanh chóng. Người dùng có thể tự thực hiện không cần thủ tục rườm rà và hỗ trợ từ nhà cung cấp.

Mặc dù là phần mềm đóng gói nhưng phần mềm Simba vẫn tích hợp đầy đủ những tính năng cơ bản của kế toán – tài chính liên quan đến: tiền mặt, tiền gửi, bán hàng, mua hàng, hàng tồn kho, công cụ dụng cụ, tài sản cố định, giá thành, tiền lương, tổng hợp...

Phần mềm cài đặt tại ổ D nên không bị ảnh hưởng khi cài đặt lại Windows.

Tự động trong việc thực hiện thu chi.

Có thể lọc và sửa chứng từ ngay trên nhật ký chung.

Phân quyền chi tiết đến từng chứng từ, phân hệ và người dùng.

Giá thành rẻ nằm trong khả năng sử dụng đối với nhiều doanh nghiệp.

- Nhược điểm:

Khả năng tự động còn hạn chế.

Tính năng chỉ phù hợp với doanh nghiệp có các hoạt động tài chính đơn giản.

Giao diện làm việc của phần mềm kế toán Simba:



KẾT LUẬN

Đề tài “*Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát*” đã giải quyết được một số vấn đề đặt ra như sau:

❖ Về mặt lý luận:

- Hệ thống hóa được những vấn đề chung về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán của các doanh nghiệp theo TT số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 21/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thay thế Quyết định số 15/2006 ngày 20/03/2006 về chế độ kế toán doanh nghiệp.

❖ Về mặt thực tiễn:

- Đã phản ánh thực tế khách quan công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát;
- Đã đánh giá những ưu khuyết điểm chủ yếu trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán nói riêng tại Công ty;
- Đã đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán của Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát:
 - ✓ *Ý kiến thứ nhất: Công ty nên đẩy mạnh các giải pháp thu hồi công nợ*
 - ✓ *Ý kiến thứ hai: Công ty nên trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi*
 - ✓ *Ý kiến thứ ba: Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán*

Do thời gian viết bài có hạn kiến thức lý luận và sự hiểu biết chưa nhiều nên bài khóa luận tốt nghiệp không thể tránh khỏi những hạn chế và sai sót. Em mong được tiếp thu và cảm ơn chân thành các ý kiến đóng góp, chỉ bảo của thầy cô giáo để bài viết này được hoàn thiện hơn.

Sinh viên

Phạm Thị Minh Châu

DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Thị Loan (2011), *Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân;
2. Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính;
3. Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính;
4. Công ty TNHH Nguyễn Đức Phát (2019), *Tài liệu sổ sách, Báo cáo tài chính*.